

BAN CHỈ HUY PCTT VÀ TKCN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
VĂN PHÒNG THƯỜNG TRỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 204 /PCTT

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 9 năm 2021

v báo cáo rà soát cập nhật phương án
ứng phó thiên tai năm 2021

Kính gửi: Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai

Thực hiện nội dung Công văn số 313/VPTT ngày 30/6/2021 của Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTT về việc rà soát cập nhật phương án ứng phó thiên tai năm 2021. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã phối hợp với các đơn vị, địa phương rà soát cập nhật phương án ứng phó thiên tai năm 2021.

(có các phụ lục đính kèm)

Văn phòng Ban Chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh kính báo cáo Văn phòng Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng Ban và các PTB (để b/c);
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT.



Phan Thanh Hùng



Phụ lục 1:

SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN THEO CÁC CẤP BẢO NĂM 2021 TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

TT	Huyện/Xã	Bảo cấp độ 3				Bảo cấp độ 4				Bảo cấp độ 5			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
I	Huyện Phong Điền	1.713	4.869	573	1.442	2.181	5.791	1.021	2.803	3.173	7.660	2.865	9.029
II	Thị xã Hương Trà	5.020	19.103	131	423	5.059	19.253	591	1.599	5.106	19.351	993	2.462
III	Thành phố Huế	1.246	4.757			4.314	17			5.997	22		
IV	Huyện Nam Đông	602											
V	Huyện A Lưới	199	740	132	518	199	740	132	518	199	740	132	518
VI	Thị xã Hương Thủy	1.519	5.682	892	4.061	1.519	5.682	892	4.061	1.519	5.682	892	4.061
VII	Huyện Quảng Điền	847	2.526	358	1.179	847	2.526	358	1.179	847	2.526	358	1.179
VIII	Huyện Phú Lộc	3.560	14.276	3.341	13.884	3.560	14.276	3.341	13.884	3.560	14.276	3.341	13.884
IX	Huyện Phú Vang	1.944	7.505	569	2.278	1.944	7.505	569	2.278	1.944	7.505	569	2.278

Phụ lục 2:

SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ THEO CÁC CẤP BÁO ĐỘNG LŨ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

TT	Huyện/Xã	Trên báo động 3						Trên báo động 3 + 1m						Trên lũ lịch sử			
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
I	Huyện Phong Điền	1.094	3.042	679	1.047	1.693	4.488	962	3.036	3.568	10.080	1.661	4.853				
II	Thị xã Hương Trà	4.899	18.740	48	104	4.474	16.851	321	760	5.215	19.545	713	1.773				
III	Thành phố Huế	1.203	4.696			3.423	13			5.096	19						
IV	Huyện Nam Đông	73	-	458	788	73	-	458	788	73	-	458	788				
V	Huyện A Lưới	101	370	14	65	101	370	14	65	101	370	14	65				
VI	Thị xã Hương Thủy	1.519	5.682	892	4.061	1.519	5.682	892	4.061	1.519	5.682	892	4.061				
VII	Huyện Quảng Điền	643	1.940	318	984	643	1.940	318	984	643	1.940	318	984				
VIII	Huyện Phú Lộc	2.177	8.290	2.370	9.656	2.177	8.290	2.370	9.656	2.177	8.290	2.370	9.656				
IX	Huyện Phú Vang	1.464	5.445	391	1.476	1.464	5.445	391	1.476	1.464	5.445	391	1.476				



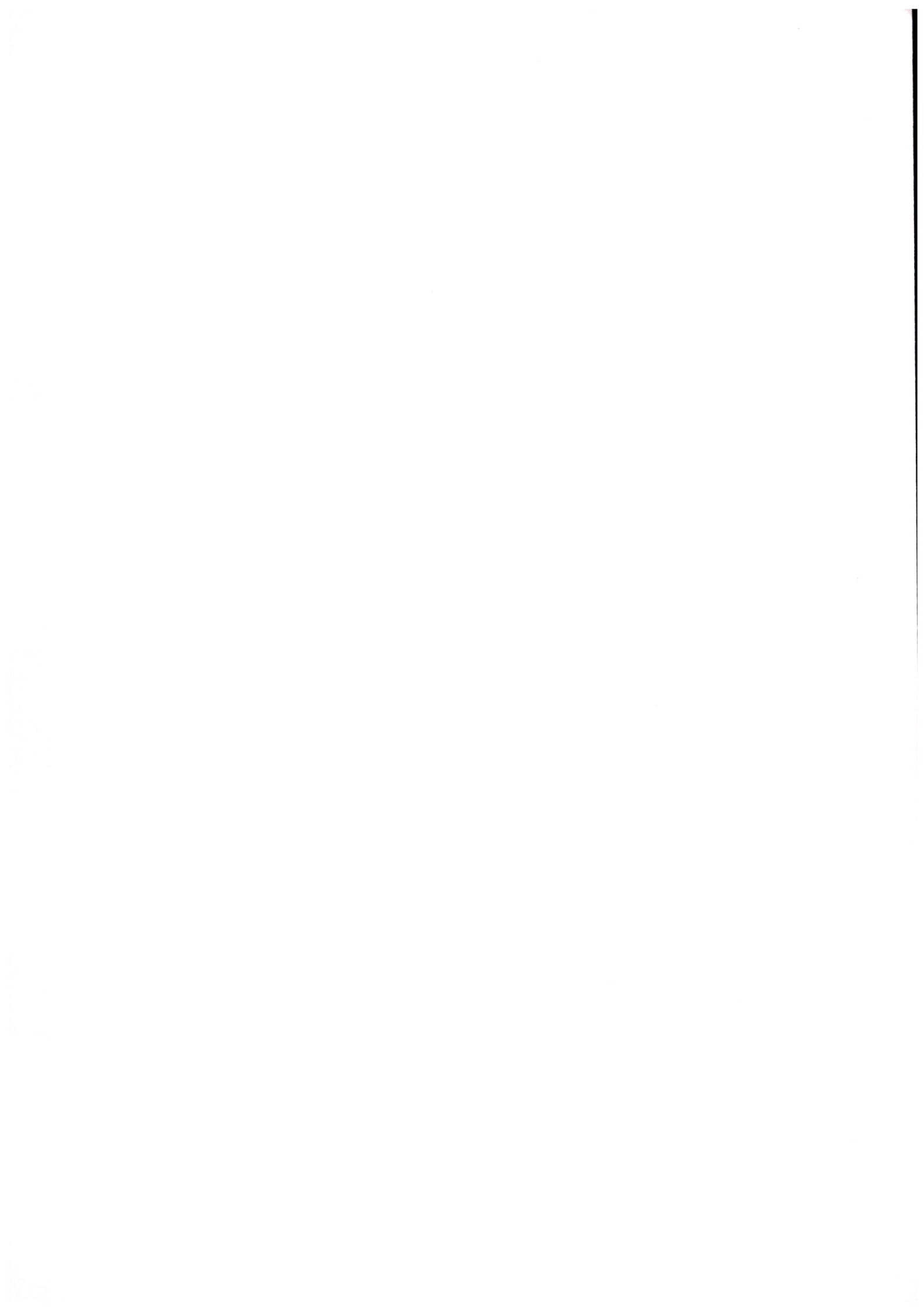
Phụ lục 3:

TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỊA ĐIỂM SƠ TÁN DÂN TẬP TRUNG

TT	Địa điểm	Vị trí				Phạm vi di chuyển đến (km)	Sức chứa (người)	Trang bị phòng chống dịch covid (Khẩu trang, sát khuẩn)
		Hội trường xã	Nhà Văn hóa	Trường học	Trụ sở tôn giáo			
I	Huyện Phong Điền							
A	Thiên tai cấp độ 3	10	51	43	14	18.510		
1	Xã Phong Mỹ	1	1	1		500	Có	
2	Xã Phong Xuân			1		250	Có	
3	Xã Phong Sơn	2	0	1	1	295	Có	
4	Xã Phong An	1		2		400	Có	
5	Xã Phong Hiền		2	3	2	500	Có	
6	TT Phong Điền	1	1			150	Có	
7	Xã Phong Thu		6	1		1.435	Có	
8	Xã Phong Hòa		13	5		720	Có	
9	Xã Phong Bình	2	5	4	3	4.000	Có	
10	Xã Phong Chương		9	4		495	Có	
11	Xã Điền Hương	1	2	4	0	3.500	Có	
12	Xã Điền Môn			3		1.200	Có	
13	Xã Điền Lộc				3	300	Có	
14	Xã Điền Hòa	1	4	4	2	1.430	Có	
15	Xã Điền Hải	1	8	6	2	3.000	Có	
16	Xã Phong Hải			4	1	335	Có	
B	Thiên tai cấp độ 4	13	49	43	18	18.513		
1	Xã Phong Mỹ	1	1	1		500	Có	
2	Xã Phong Xuân			1		250	Có	
3	Xã Phong Sơn	2	0	1	1	295	Có	
4	Xã Phong An	1		2		400	Có	
5	Xã Phong Hiền		1	2		300	Có	

6	TT Phong Điền	1	1	1			0,3-0,4	150	C6
7	Xã Phong Thu		6	1			0,5	1.435	C6
8	Xã Phong Hòa	3	13	5	4		0,15-0,5	788	C6
9	Xã Phong Bình	2	5	4	3		0,3-1,5	4.000	C6
10	Xã Phong Chương		9	4	2		0,2-1	515	C6
11	Xã Điền Hương	1	2	4	0		0,5-1	3.500	C6
12	Xã Điền Môn			3			0,5-2,5	1.200	C6
13	Xã Điền Lộc				3		0,1	300	C6
14	Xã Điền Hòa	1	3	5	2		0,2 - 1	1.380	C6
15	Xã Điền Hải	1	8	6	2		0,5-5	3.000	C6
16	Xã Phong Hải			4	1		0,5-1	500	C6
	Thị xã Hương Trà								
I	Xã Hương Bình								
A	Thiên tai cấp độ 3								
1	Thôn Quang Lộc			1			1	100	100
2	Thôn Tân Phong			1			1	70	70
3	Thôn Bình Dương			1			0,5	200	200
4	Thôn Hải Tân			1			0,5	150	150
5	Thôn Bình Sơn	1					1	200	200
B	Thiên tai cấp độ 4								
1	Thôn Quang Lộc			1			1	100	100
2	Thôn Tân Phong			1			1	70	70
3	Thôn Bình Dương			1			0,5	200	200
4	Thôn Hải Tân			1			0,5	150	150
5	Thôn Bình Sơn	1					1	200	200
II	Phường Hương Văn								
A	Thiên tai cấp độ 3								
1	TDP Giáp Nhất		x	x			1-2	0,5	x
2	TDP Giáp Nhì		x	x			1-2	0,5	x
3	TDP Giáp Ba		x	x			1-2	0,5	x
4	TDP Giáp Tư		x	x			1-2	0,5	x

1	Thôn 5						0,5	100	2 chai sát khuẩn, 100 khẩu trang
2	Thuận Lợi						0,5	300	6 chai sát khuẩn, 300 khẩu trang
B	Thiên tai cấp độ 4								
1	Thôn 1		Hồng Tiền cũ				1	100	2 chai sát khuẩn, 100 khẩu trang
2	Thôn 2				Tiểu học Hồng Tiền		0,2	200	4 chai sát khuẩn, 200 khẩu trang
3	Thôn 5						0,5	100	
4	Thuận Lợi						0,5	300	6 chai sát khuẩn, 300 khẩu trang
C	Thiên tai cấp độ 5								
1	Thôn 1		Hồng Tiền cũ				1	100	
2	Thôn 2				Tiểu học Hồng Tiền		0,2	200	4 chai sát khuẩn, 200 khẩu trang
3	Thôn 5						0,5	100	2 chai sát khuẩn, 100 khẩu trang
4	Thuận Lợi						0,5	300	6 chai sát khuẩn, 300 khẩu trang

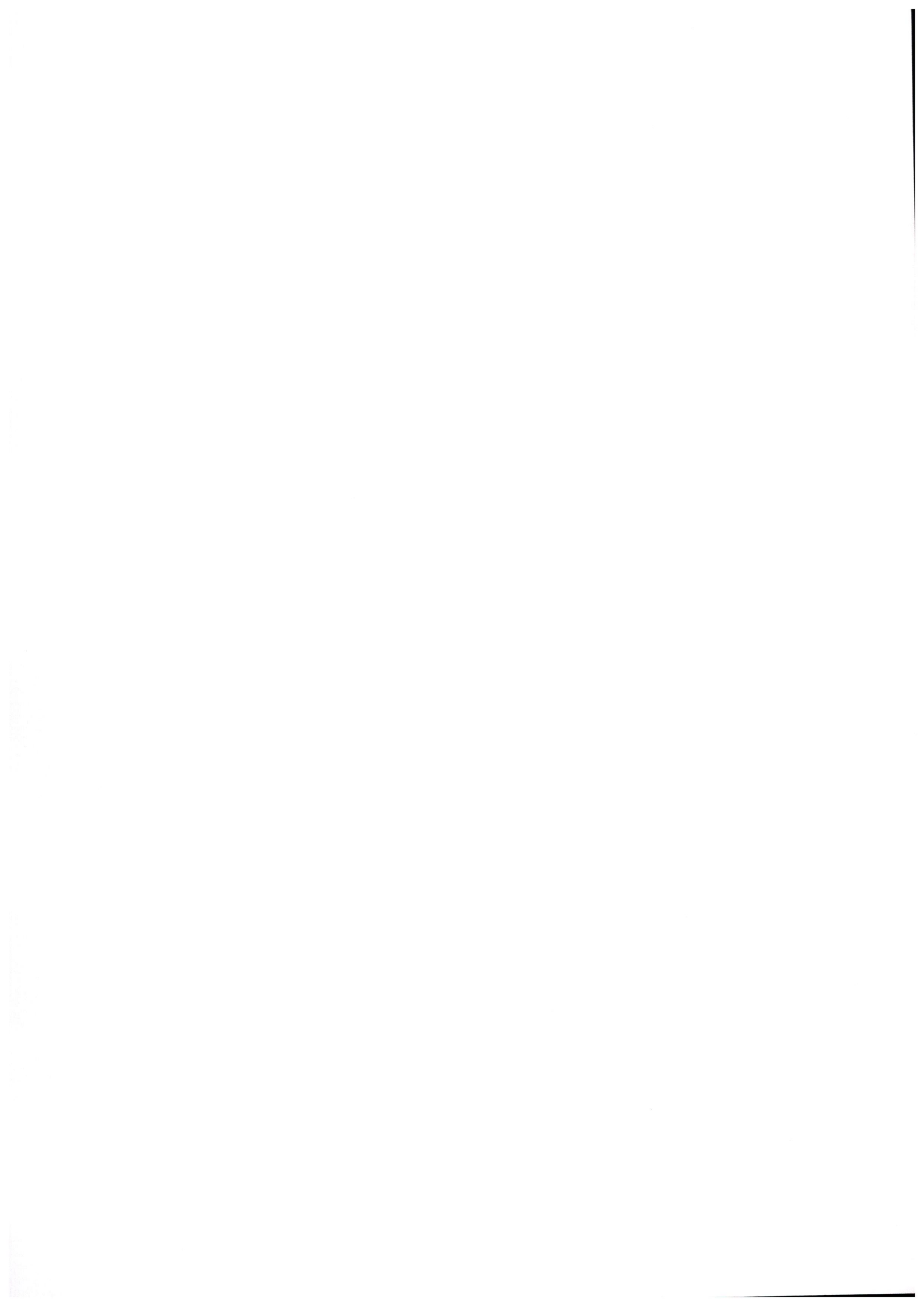


B	Thiên tai cấp độ 4												
1	Thôn Dương Sơn							X	0,1-0,5	500/700		X	
2	Thôn Cổ Lão							X	0,1-0,5	180/300		X	
3	Thôn Liễu Cốc Hạ							X	0,1-0,5	500/1200		X	
4	Thôn Giáp Tây							X	0,1-0,5	600/1400		X	
5	Thôn Giáp Thượng							X	0,1-0,5	100/500		X	
6	Thôn TSTrung					X		X	0,1-0,5	100/500		X	
7	Thôn Giáp Trung					X		X	0,1-0,5	200/1000		X	
8	Thôn Giáp Kiên					X			0,1-0,5	70/400		X	
9	Thôn Giáp Đông					X			0,1-0,5	200/800		X	
10	Thôn An Thuận					X			0,1-0,5	180/700		X	
11	Thôn Vân Cù - NT							X	0,1-0,5	300/1500		X	
III	Thành phố Huế												
A	Thiên tai cấp độ 4					475	1293	2304	625		3984		KT= 330 hộp + Nước sát khuẩn 410 lít
1	Phường An Đông					10	10	25			45		KT= 5 hộp + Nước sát khuẩn 10 lít
2	Phường An Hoà										0		
3	Phường Kim Long					10		11	10		31		KT= 5 hộp + Nước sát khuẩn 10 lít
4	Phường Gia Hội					30	150	127	50		357		KT= 15 hộp + Nước sát khuẩn 20 lít
5	Phường Phú Hội					20	38	150	20		228		KT= 10 hộp + Nước sát khuẩn 10 lít
6	Phường Đông Ba										0		



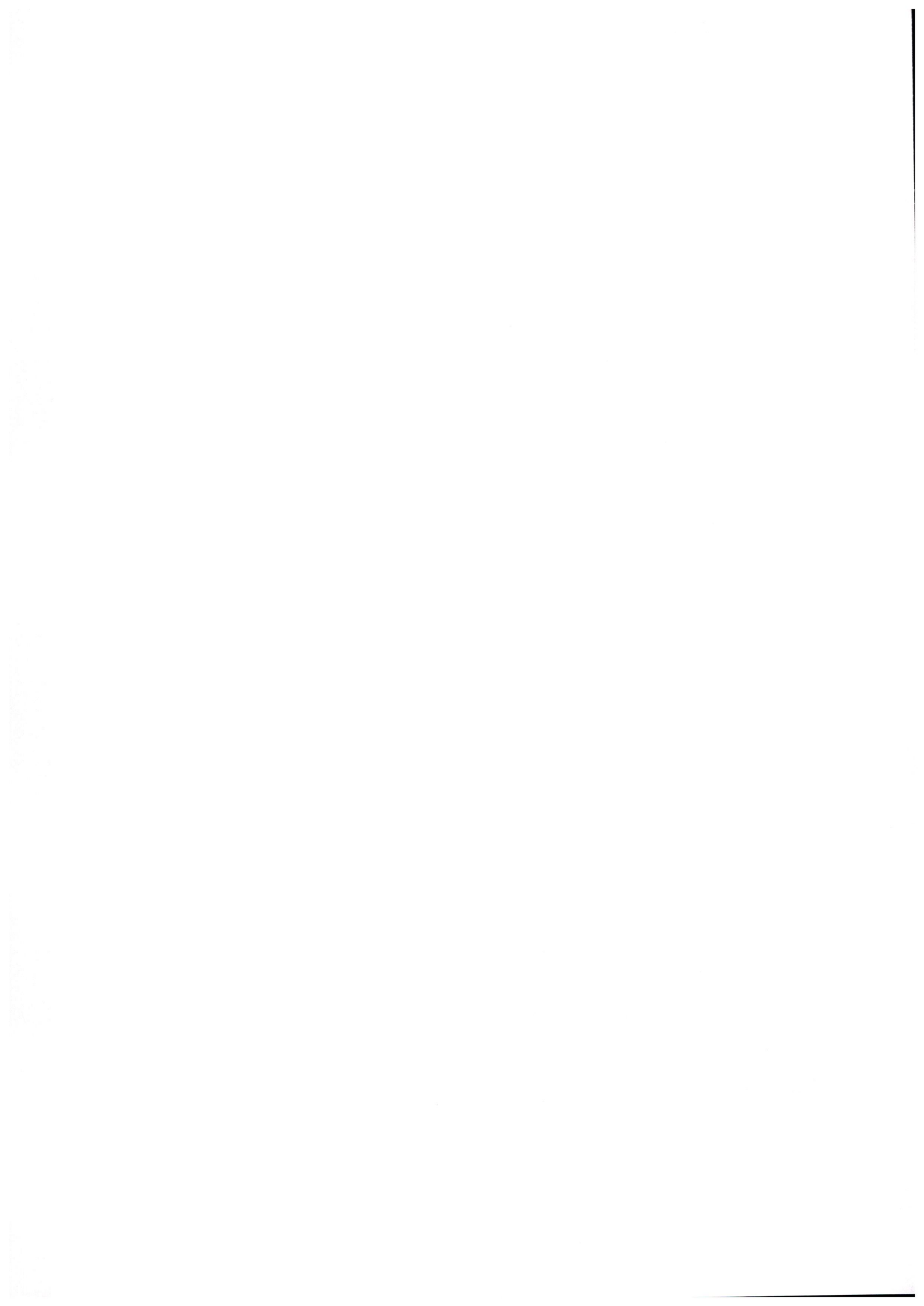
7	Phường Phường Đúc								0		
8	Phường Vĩnh Ninh								0		
9	Phường Hương Long	30	40	150	59	Từ 0,1 – 0,7	279	KT= 10 hộp + Nước sát khuẩn 15 lít			
10	Phường Thủy Xuân	15	15	40	21	Từ 0,1 – 0,7	91	KT= 5 hộp + Nước sát khuẩn 10 lít			
11	Phường Phú Hậu						0				
12	Phường Võ Dạ	20	30	33	10	Từ 0,1 – 0,7	93	KT= 5 hộp + Nước sát khuẩn 10 lít			
13	Phường An Cựu						0				
14	Phường Phước Vĩnh						0				
15	Phường Tây Lộc						0				
16	Phường Thuận Lộc	50	253	370	100	Từ 0,1 – 0,7	773	KT= 50 hộp + Nước sát khuẩn 50 lít			
17	Phường Trường An						0				
18	Phường Xuân Phú	10		13		Từ 0,1 – 0,7	23	KT= 5 hộp + Nước sát khuẩn 10 lít			
19	Phường Thủy Biều	30	200	100	40	Từ 0,1 – 0,7	370	KT= 15 hộp + Nước sát khuẩn 20 lít			
20	Phường An Tây						0				
21	Phường Hương Sơ						0				
22	Phường Phú Nhuận	25	52	60	50	Từ 0,1 – 0,7	187	KT= 10 hộp + Nước sát khuẩn 15 lít			

23	Phường Thuận Hoà								Từ 0,1 – 0,7	30	KT= 5 hộp + Nước sắt khuẩn 10 lít
24	Phường Hương Hồ									0	
25	Phường Hương An									0	
26	Phường Hương Vinh	13	20	20	20	25	20		Từ 0,1 – 1	73	KT= 5 hộp + Nước sắt khuẩn 10 lít
27	Phường Phú Thượng	17	15	300	1000	175			Từ 0,1 – 0,7	57	KT= 5 hộp + Nước sắt khuẩn 10 lít
28	Phường Thủy Vân									0	
29	Phường Thuận An	100	300	10	10	10	175		Từ 0,1 – 1	1575	KT= 100 hộp + Nước sắt khuẩn 100 lít
30	Xã Hương Thọ	19	10	10	10				Từ 0,1 – 1	39	KT= 5 hộp + Nước sắt khuẩn 10 lít
31	Xã Hương Phong		10	10	10				Từ 0,1 – 1	20	KT= 5 hộp + Nước sắt khuẩn 10 lít
32	Xã Hải Dương									0	
33	Xã Phú Dương	24	10	10	10				Từ 0,1 – 1	54	KT= 5 hộp + Nước sắt khuẩn 10 lít
34	Xã Phú Mậu									0	
35	Xã Phú Thanh	32	30	50	20				Từ 0,1 – 1	132	KT= 15 hộp + Nước sắt khuẩn 20 lít



36	Xã Thủy Bằng	30	120	100	50	Từ 0,1 - 1	300	KT= 50 hộp + Nước sắt khuẩn 50 lít
IV	Huyện Nam Đông							
1	Thị trấn Khe Tre	x	x	x	x		2.000	C6
2	Xã Hương PHÚ	x	x	x	x		1.200	C6
3	Xã Hương Lộc	x	x	x	x		640	C6
4	Xã Thượng Lộ	x	x	x	x		1.100	C6
5	Xã Hương Sơn	x	x	x	x		1.000	C6
6	Xã Thượng Nhật	x	x	x	x		1.500	C6
7	Xã Hương Xuân	x	x	x	x		2.500	C6
8	Xã Hương Hữu	x	x	x	x		1.530	C6
9	Xã Thượng Long	x	x	x	x		1.500	C6
10	Xã Thượng Quảng	x	x	x	x		1.100	C6
V	Huyện A Lưới							
1	A Roàng	x	x	x	x			C6
	Hương Sơn	x	x	x	x			C6
	A Ka 2	x	x	x	x			C6
	A Chi	x	x	x	x			C6
	A Ka 1	x	x	x	x			C6
	Ka Lô	x	x	x	x			C6
	A Roàng 2	x	x	x	x			C6
	Ka Rôn	x	x	x	x			C6
	A Ho	x	x	x	x			C6
	A Min-C9	x	x	x	x			C6
2	Đông Sơn	x	x	x	x			C6
	Rơ Mơn, Loa	x	x	x	x			C6
	Chai	x	x	x	x			C6
3	Lâm Đốt	x	x	x	x			C6
	A So 1	x	x	x	x			C6
	A So 2	x	x	x	x			C6



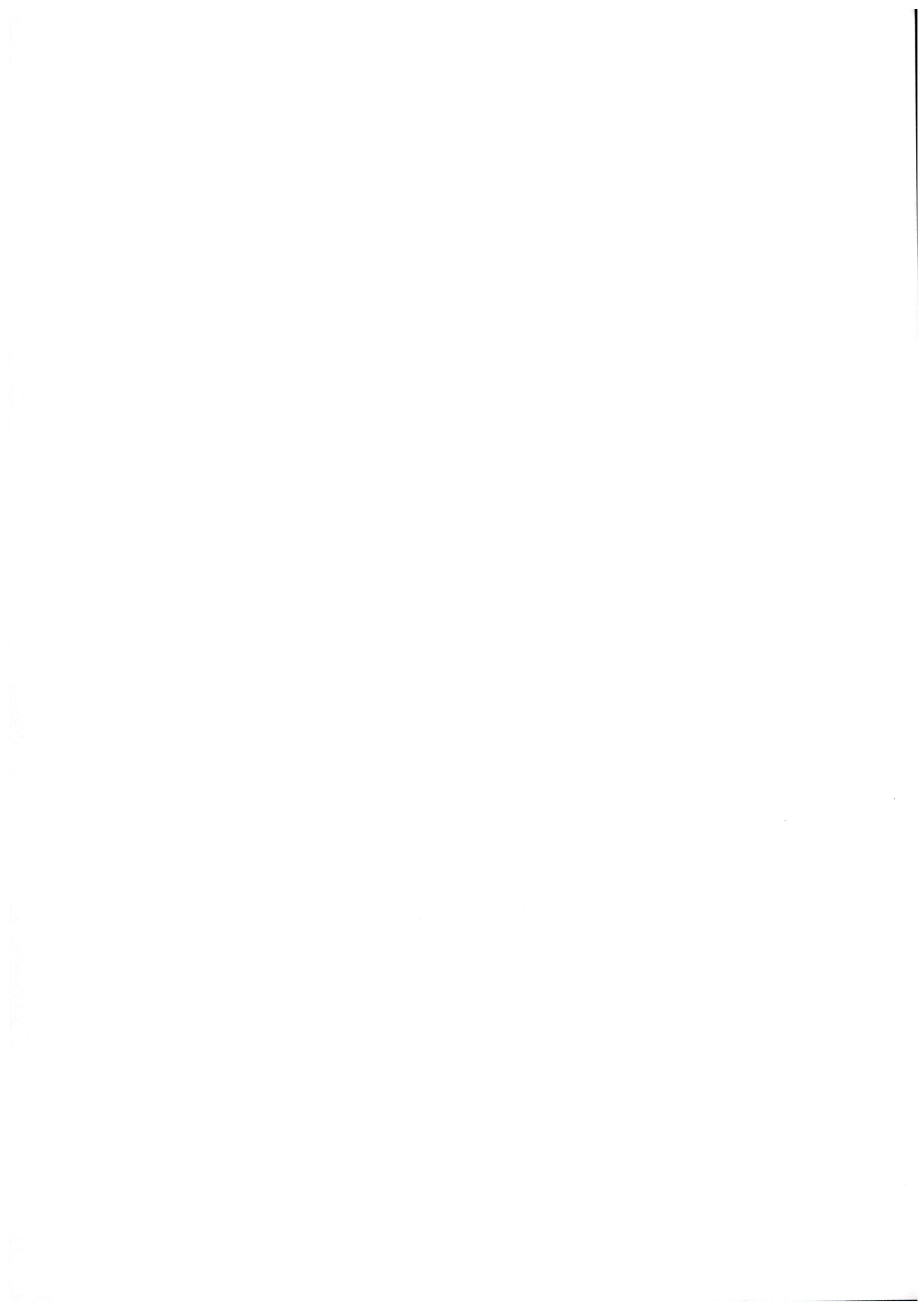


4	Thủy Lương	4	2	3	2	0,5-1		C6
5	Dương Hòa	1	4	1		1		C6
6	Thủy Phương	1	10	5		2		C6
7	Thủy Dương	1	10	4		2		C6
VII	Huyện Quảng Điền	X	X	X	X			C6
VIII	Huyện Phú Lộc	X	X	X	X			C6
IX	Huyện Phú Vang	X	X	X	X			C6

Phụ lục 4:

SỐ LIỆU PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN VÙNG VEN BIỂN NGẬP LỤT DO NƯỚC BIỂN DĂNG THEO CÁC CẤP BẢO NĂM 2021
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

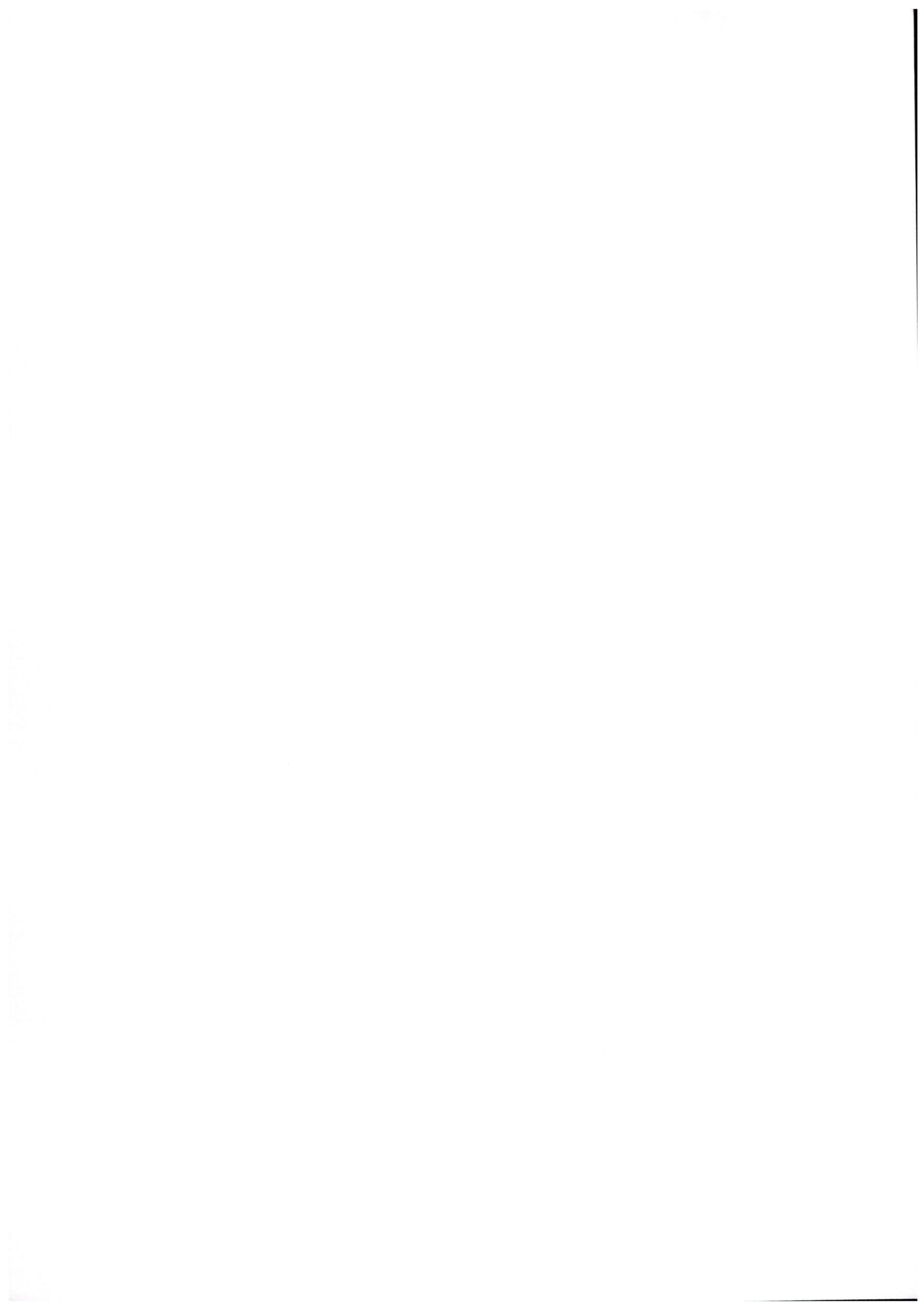
TT	Huyện/Xã	Bảo cấp 12-13						Bảo cấp 14-15						Bảo cấp 16-17					
		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung		Xen ghép		Tập trung			
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu		
I	Huyện Phong Điền	148	602	70	164	107	381	164	572	120	322	120	322	120	322	1.435	5.536		
II	Thị xã Hương Trà																		
1	Xã Hương Toàn	76	177	38	70	76	177	38	70	76	177	76	177	76	177	38	70		
III	Thành phố Huế	925	4.087			1.966	9.015			3.158	13								
IV	Huyện Nam Đông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
V	Huyện A Lưới	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-		
VI	Thị xã Hương Thủy	1.519	5.682	892	4.061	1.519	5.682	892	4.061	1.519	5.682	1.519	5.682	892	4.061	892	4.061		
VII	Huyện Quảng Điền	897	2.635	408	1.329	897	2.635	408	1.329	897	2.635	897	2.635	408	1.329	408	1.329		
VIII	Huyện Phú Lộc	3.829	15.312	4.047	16.165	3.829	15.312	4.047	16.165	3.829	15.312	3.829	15.312	4.047	16.165	4.047	16.165		
IX	Huyện Phú Vang	2.451	9.283	791	3.128	2.451	9.283	791	3.128	2.451	9.283	2.451	9.283	791	3.128	791	3.128		



Phụ lục 5b.

THỐNG KÊ SỐ LIỆU KHU NEO ĐẠU TÀU THUYỀN TRÚ TRÁNH BÃO TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

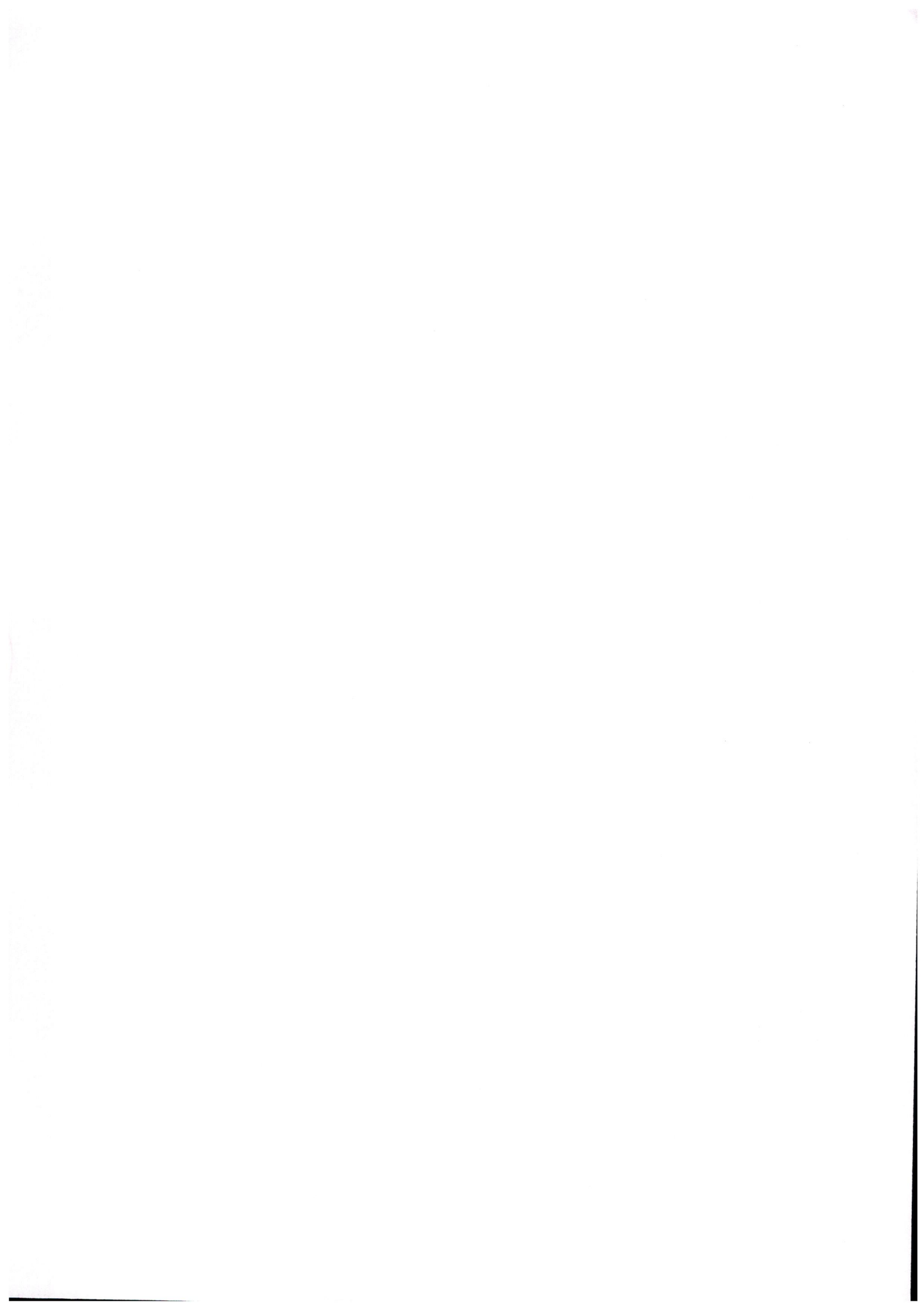
STT	Đơn vị	Địa điểm neo đậu	Mô tả	Số lượng tàu thuyền neo đậu	Ghi chú
1	HTX vận tải đường sông	Công viên Thương Bạc, Công viên Lê Duẩn, Cồn hén	Có cây cối khuất gió thuận lợi cho việc neo đậu	117	
2	Các DN, Hộ cá thể	Công viên Thương Bạc, Công viên Lê Duẩn, Cồn hén	Có cây cối khuất gió thuận lợi cho việc neo đậu	11	
	Xã Hải Dương	Thôn Vĩnh Trì, Bàu thôn 2, Bàu Lạch Thiều		600	
	Xã Phú Thanh	Áu thuyền thôn Quy Lai		150	
	Phường Thuận An	Thôn Hải Tiến đến Thôn Hải Thành		150	
	Tổng cộng			1028	



Phụ lục 5b.

THỐNG KÊ SỐ LIỆU KHU NEO ĐẬU TÀU THUYỀN TRÚ TRÁNH BÃO TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

STT	Đơn vị	Địa điểm neo đậu	Mô tả	Số lượng tàu thuyền neo đậu	Ghi chú
1	HTX vận tải đường sông	Công viên Thương Bạc, Công viên Lê Duẩn, Cồn hén	Có cây cối khuất gió thuận lợi cho việc neo đậu	117	
2	Các DN, Hộ cá thể	Công viên Thương Bạc, Công viên Lê Duẩn, Cồn hén	Có cây cối khuất gió thuận lợi cho việc neo đậu	11	
	Xã Hải Dương	Thôn Vĩnh Trị, Bàu thôn 2, Bàu Lạch Thiều		600	
	Xã Phú Thanh	Ấu thuyền thôn Quy Lai		150	
	Phường Thuận An	Thôn Hải Tiến đến Thôn Hải Thành		150	
	Tổng cộng			1028	



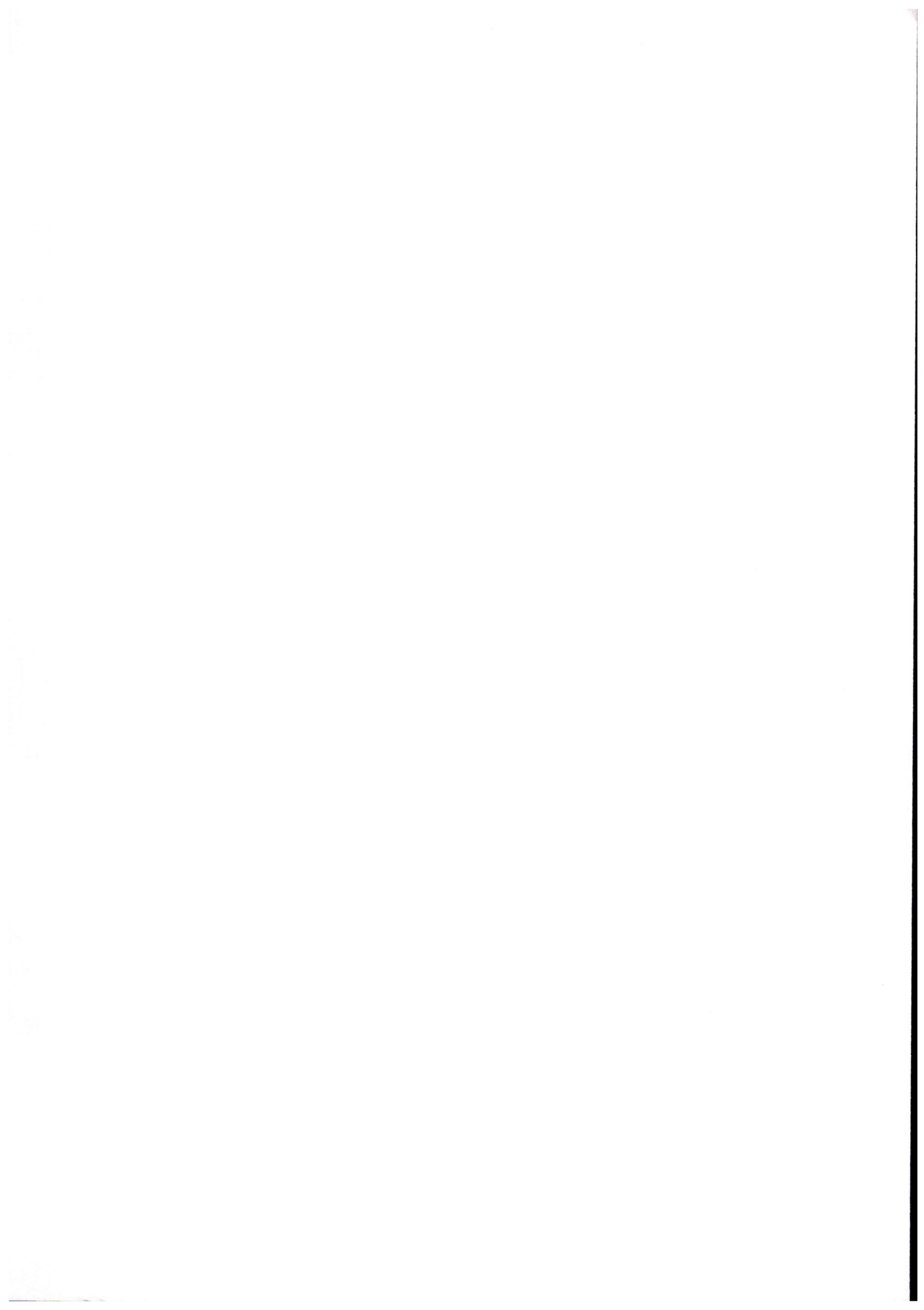
Phụ lục 6.

TỔNG HỢP SỐ LIỆU TÀU THUYỀN ĐÁNH BÁT HẢI SẢN TRÊN BIỂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
(Chiều dài tàu thuyền từ 6m trở lên có giấy đăng ký tàu)

TT	Địa phương	Tổng số (chiếc)	Tổng dung tích (TDK)	Nhóm tàu cá				Bình quân (TDK/tàu)
				Tàu cỡ nhỏ*	Tàu cỡ trung	Tàu xa bờ		
				6- <12m	12- <15m	15- <24m	24- <30m	
I	Thành phố Huế	8	279,98	0	4	4	0	34,99
1	Xã Hải Dương	5	124,50		4	1		24,90
2	Phường Phú Hậu**	3	155,48			3		51,83
III	Huyện Phú Vang	383	13.332,70	23	123	233	4	34,81
3	TT Thuận An	244	7.505,62	22	115	104	3	30,76
4	Xã Phú Thuận	53	2.128,48			52	1	40,16
5	Xã Phú Hải	50	1.819,19		5	45		36,38
6	Xã Phú Diên	3	66,02	1	1	1		22,01
7	Xã Vinh Thanh	30	1.678,37		2	28		55,95
8	Xã Vinh An	1	69,54			1		69,54
9	Xã Vinh Hà**	2	65,48			2		32,74
IV	Huyện Phú Lộc	200	7.589,96	13	28	159	9	243,19
10	Xã Vinh Hưng**	8	230,35	3		5		28,79
11	Xã Giang Hải	1	17,12			1		17,12
12	Xã Vinh Hiền	38	1.029,33	6	14	18		27,09
13	Xã Lộc Bình	6	66,02	3	2	1		11,00
14	Xã Lộc Trì**	74	3.539,55		5	69	7	47,83
15	TT Phú Lộc**	62	2.425,51	1	3	58	2	39,12
16	Xã Lộc Diên**	10	233,16		4	6		23,32
17	TT Lăng Cô	1	48,92			1		48,92
	Tổng cộng	591	21.202,64	36	155	387	13	35,88

(*) Tàu thuyền cỡ nhỏ từ 6 - 12 m hiện còn khoảng 5.000 chiếc chưa có Giấy đăng ký tàu cá theo Luật Thủy sản mới. Chi cục Thủy sản đang từng bước cấp đổi Giấy đăng ký tàu cá.

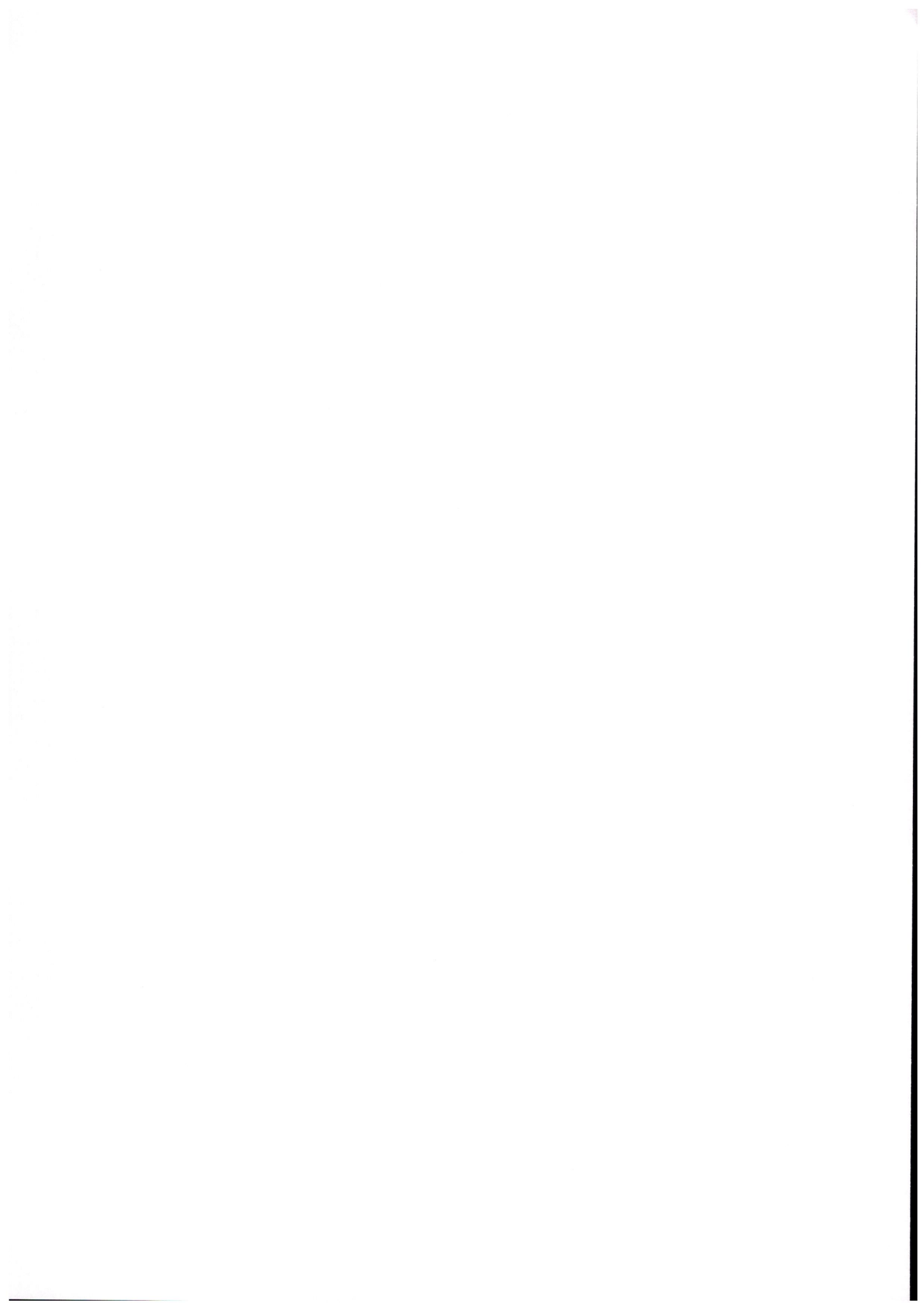
(**) Các xã, phường, thị trấn không có biển, nhím có tàu cá xa bờ tham gia khai thác hải sản.



Phụ lục 7.

TỔNG HỢP SỐ LIỆU LỒNG BÈ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

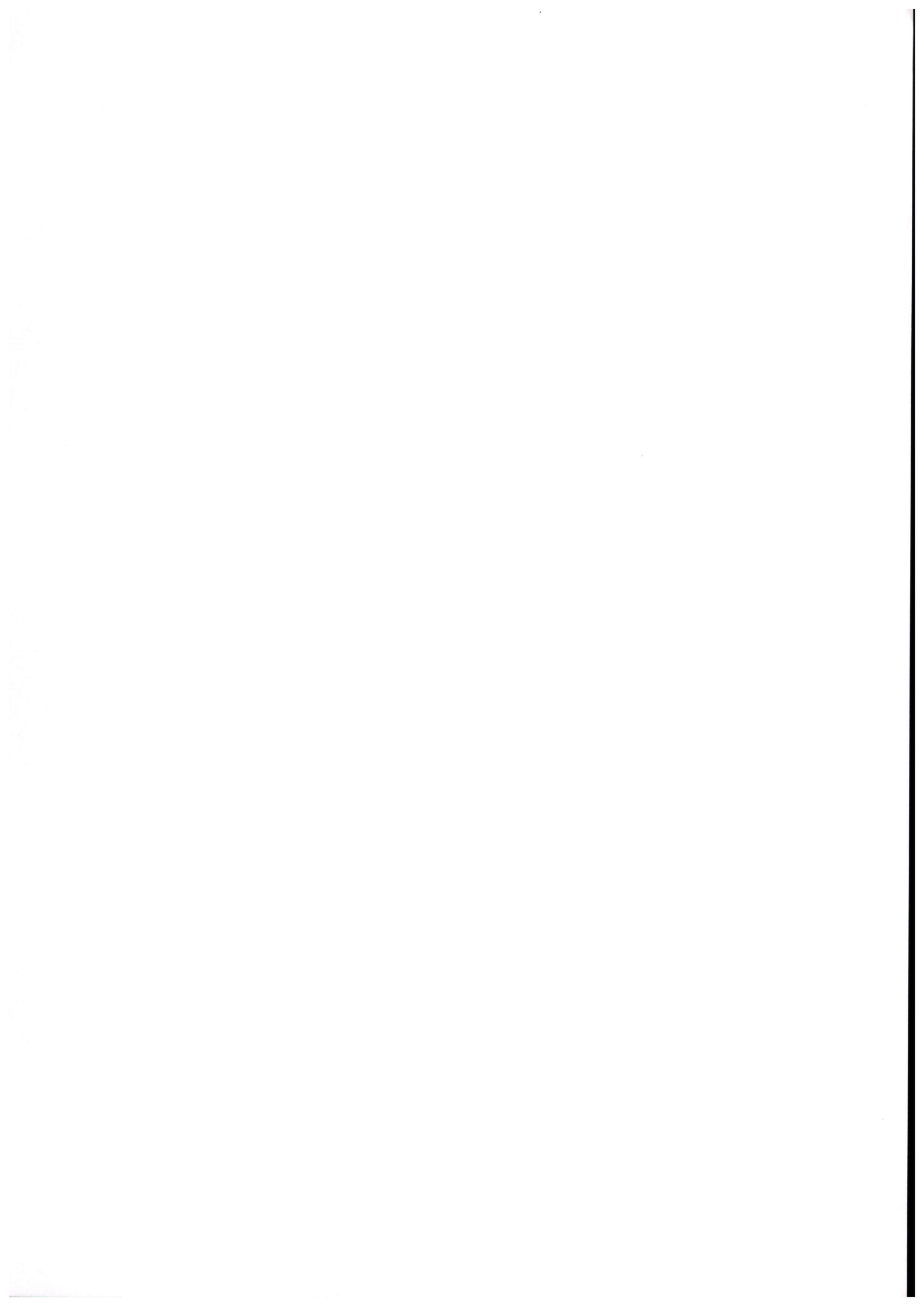
STT	Tên cơ sở có sản phẩm thủy sản đến kỳ thu hoạch	Địa chỉ	Đối tượng thủy sản cung ứng	Quy mô nuôi (ha)/m3 lồng/tàu	Tổng số lồng bè
1	Diện tích nuôi ao hồ nước lợ			5.022	
1.1	Nuôi xen ghép	Vùng đầm phá Tang Giang - Cầu Hai, Lăng Cô	Tôm sú, tôm thẻ chân trắng cua, cá dĩa, cá kính, cá nâu...	4.722	
1.2	Nuôi hào, vẹm...		Hào, vẹm...	300	
1.3	Nuôi lồng nước lợ (Cái)		Chém, hồng mỹ, mú, vầu, bớp, hanh,	46.607	
2	Diện tích nuôi trên cát			525	
2.1	Nuôi tôm thẻ chân trắng	Phong Điền, Quang Điền, Phú Vang,	Tôm thẻ chân trắng	521	
2.2	Nuôi ốc Hương		Ốc Hương	5	
3	Diện tích nuôi nước ngọt			1.990	
3.1	Nuôi nước ngọt ao, hồ	Nội đồng và sông, hồ	Trắm, trôi, mè chếp, rô đầu vuông, điều hồng, tré phi, tré lai...	1.990	
3.1	Nuôi lồng/bè nước ngọt (cái)		Trắm, rô đầu vuông, điều hồng, tré lai, chình...	44.520	
Tổng				7.537	8.296



Phụ lục 8.

TỔNG HỢP SỐ LIỆU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP CHÍNH TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

TT	Địa bàn	Lúa		Hoa màu		Cây lâu năm		Rừng trồng mới		Đàn gia súc (con)	Đàn gia cầm (Nghìn con)
		(ha)	(ha)	(ha)	(Ha)	(ha)	(ha)				
1	Thành phố Huế	1.585	252	223	11	837	84				
2	Huyện Phong Điền	9.639	464	2.159	762	6.015	853				
3	Huyện Quảng Điền	8.167	777	82	51	2.045	528				
4	Thị xã Hương Trà	6.154	956	2.529	609	3.786	596				
5	Huyện Phú Vang	12.968	1.348	61	9	4.128	721				
6	Thị xã Hương Thủy	6.061	360	275	1.295	3.874	522				
7	Huyện Phú Lộc	6.613	271	708	1.150	6.020	822				
8	Huyện Nam Đông	619	266	3.540	667	4.158	142				
9	Huyện A Lưới	2.517	223	1.571	1.654	12.860	172				



Phụ lục 9:
DANH MỤC VỊ TRÍ KHU VỰC BỎ LẤP CỬA SÔNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

TT	Cửa sông	Phạm vi bồi lấp	Mức độ Ảnh hưởng
1	Cửa biển Thuận An	<p>Phía Bắc kéo dài từ đầu kè hiện tại ra phía biển với chiều dài 880m.</p> <p>Phía Nam kéo dài từ đầu kè hiện tại theo hướng trùng với kè hiện tại 140m, kéo dài xiên góc với bờ dài 810m.</p> <p>Chiều dài khoảng 2000m</p>	<p>Cửa biển bị bồi lấp nặng ảnh hưởng đến an toàn và ổn định cuộc sống cho các hộ dân cư ở Hải Dương, Thuận An.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng giao thông thủy (tàu đánh bắt xa bờ, tàu vận tải ra vào cảng Thuận An). - Ảnh hưởng môi trường của đầm phá nước lợ diện tích 22.000 ha, lớn nhất vùng Đông Nam Á. Ảnh hưởng đến khả năng thoát lũ từ đầm phá ra biển.



Phụ lục 10:

PHƯƠNG ÁN SƠ TÁN DÂN VÙNG NGUY CƠ CAO VỀ SẠT LỞ ĐẤT, LŨ QUÉT
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

TT	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Sạt lở bờ sông, bờ biển		Lũ quét		Sạt lở núi		Vùng thường xuyên chia cắt, ngập sâu	
		Số hộ	Số người	Số hộ	Số người	Số hộ	Số người	Số hộ	Số người
I	Huyện Phong Điền	688	1.933	518	1.880	189	628	1.543	4.985
II	Thị xã Hương Trà	42	155	120	428	50	211	330	1.262
III	Thành phố Huế	860	3.568					855	3.807
IV	Huyện Nam Đông			680	1.898				
V	Huyện A Lưới			766	2.415	766	2.415		
VI	Thị xã Hương Thủy			650	2.419	650	2.419		
VII	Huyện Quảng Điền			83	252	83	252		
VIII	Huyện Phú Lộc			2.415	9.596	2.415	9.596		
IX	Huyện Phú Vang			847	3.508	847	3.508		



Phụ lục 11,12a:

VẬT TƯ, PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ỨNG PHÓ THIÊN TÀI TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

TT	Đơn vị	Vật tư, vật liệu															
		Tôn lợp (tám)	Bạt lợp (m ²)	Xà gỗ (m)	Thép buộc (kg)	Đình (kg)	Áo phao (cái)	Phao Tròn (cái)	Rọ Thép (cái)	Đá Suối (m ³)	Bao Tái (cái)	Cuốc, xẻng (cái)	Rựa (cái)	Nhà Bạt (cái)	Đèn Pin (cái)	Máy Phát Điện (cái)	Hàng hoá khác
1	Huyện Phú Lộc	2.290	2.000	500	10	10	54			500	2.500		168	18			-
2	Huyện Nam Đông													4			
3	Huyện Hương Thủy													16			
4	Thành Phố Huế	63.500												11			
5	Huyện Phú Vang	200	20											18			
6	Huyện A Lưới						182	80	80	80	300	20	10	6			
7	Huyện Phong Điền	18.150									31.630	370		12	386	47	
8	Thị Xã Hương Trà						50							17			
9	Huyện Quảng điền						150	200	1.000		10.000	20		15	30	2	



Phụ lục 11,12d:
VẬT TƯ, PHƯƠNG TIỆN, TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ ỨNG PHÓ THIÊN TAI TỈNH THỪA THIÊN HUỆ

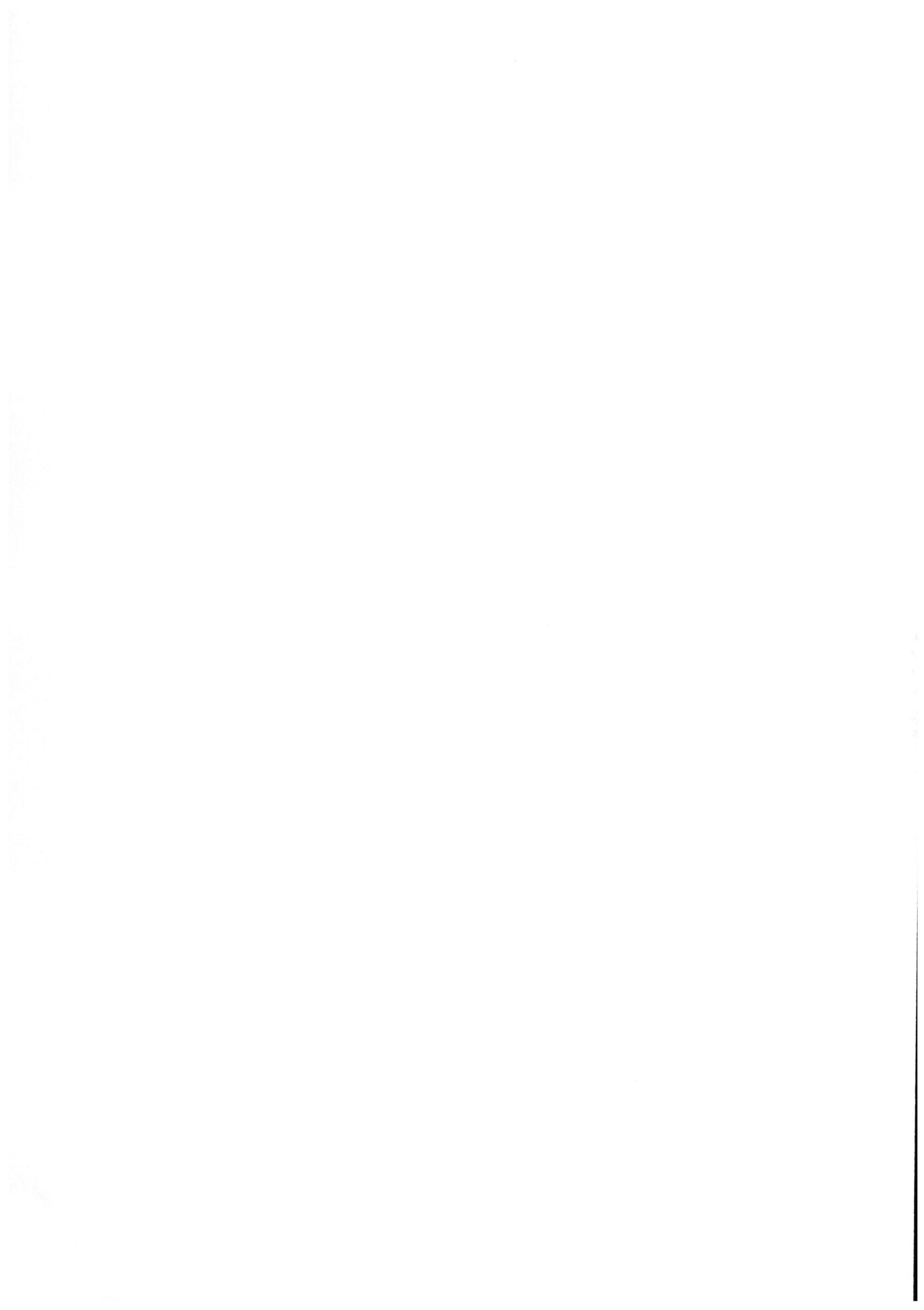
STT	Tên hồ	Đá hộc	Rọ thép	Bao tải	Vải lọc	Bãi đất dự trữ	Điện thời có định	Máy vô tuyến Ken wood	Thuy ên máy loại 2 tấn	Vải lọc	Cước, xăng	Đò máy 15 sức ngựa	Áo phao	Máy đào (loại gầu 0.4- 0.7m ³)	Ô tô loại 3- 5 tấn	Bạt ni lông	Phên Khại	Cọc tre	Xe rùa	Tre cây	Đất Sỏi	Thép buộc	Xe cút kít	Búa đóng
1	Hòa Mỹ	300	143	2948	700	2000	2	1																
2	Khe Ngang	100	144	4500	700	5000	2	1																
3	Thọ Sơn	50	50	4400	700		1																	
4	Trười	475	200	21800	1600	3500	2	1	1															
5	A Lã	100	20	1000			1			1														
6	Nam Giản	165	69	2500	700	400					5	1	6											
7	Phú Bai 2	185	49	2000		1000	1							1	3									
8	Trần Nãi	20	50	700												200	70	150						
9	Trần Giảng	5	20	300		250										50	20	50						
10	Khe Mạ	20	40	100		250										100	40	80						
11	Châu Sơn	159	49	2000										1	3									
12	Năm Lăng	50	20	500																				
13	Ông Lợi- Thượng	25	15	150												30				50				
14	Ông Lợi-Hạ	35	30	300												50				70				
15	Phụ Nữ			150												20				30				
16	Dum			250												20				30				
17	Dùng			160												30				30				
18	Lầy			150												20				30				
19	Chít			150												20				30				
20	Tre Làng			100												30				50				
21	Hồ Sen 1			200		30												200			20	10	4	5
22	Hồ sen 2			200		30												200			20	10	4	5
23	Hồ đập trại			150		20												150			15	10	4	5



24	Đập Đôn Độc			200	25														400			20	20	5	5
25	Đập Vung Đài			170	25														170			15	15	4	4
26	Mỹ Xuyên	149	30	2250	700	1000																			
27	Thiền Cát	99,7	100	600	700																				
28	Niêm-Thiền	50	100	1850	700																				
29	Tông	1988	1129	49778	6630	13400																			
							9	3	1	1	5	1	6	2	8	570	130	1400	1	320	90	65	21	24	

BAN NHAN

62	Palăng xích 1T	Cái				1														2	3	
63	Que hàn	Kg				10		5													15	
64	Rọ đá kích thước 1m x 2m x 0,5m	Cái					60														60	
65	Roăng củ tỏi	m				5															5	
66	Tấm thép gia cố van cùng dày 10mm	m ²				2															2	
67	Thang nhôm	Cái																			0	
68	Tước nơ vít 2 châu	Cái				1															1	
69	Tước nơ vít 4 châu	Cái				1															1	
70	Ứng đi mưa	Đôi	12	40																	67	
72	Xe ben 10 tấn	Chiếc						1													1	
73	Xe chở người 16 chỗ	Chiếc		1																	1	
	Xe chở người 24 chỗ	Chiếc				1															1	
74	Xe lu 8 Tấn	Chiếc				1															1	
75	Xe ô tô 4 chỗ - bán tài	Chiếc					1														1	
76	Xe ô tô 7 chỗ	Chiếc					2														2	
77	Xe ô tô tải 4,5 tấn - cầu 3,5 tấn	Chiếc					1														1	
78	Xe Ô tô 2 cầu	Chiếc		1	1																2	
79	Cưa máy cầm tay	Cái	1																		1	
80	Quần áo mưa	Bộ	12	40				20	15	5	5	5	5	15						50	167	
81	Mũ bảo hộ	Cái	20																		20	
82	Ông nhôm	Cái	2																		2	
83	Còi, loa báo động	Cái	3																		4	
84	Máy ảnh	Cái	1																		3	
85	Phao cứu sinh	Cái	20					10	4											4	1	
86	Can nhựa	Cái																			25	
87	Cưa tay	Cái							2	2	2	2	2	2						5	5	
88	Rựa phát	Cái		2				5	3	2	2	2	2	3						10	2	
																					5	34





Phụ lục 13:
NGUỒN NHÂN LỰC HUY ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI THIÊN TAI NĂM 2021
TỈNH THỪA THIÊN HUỆ

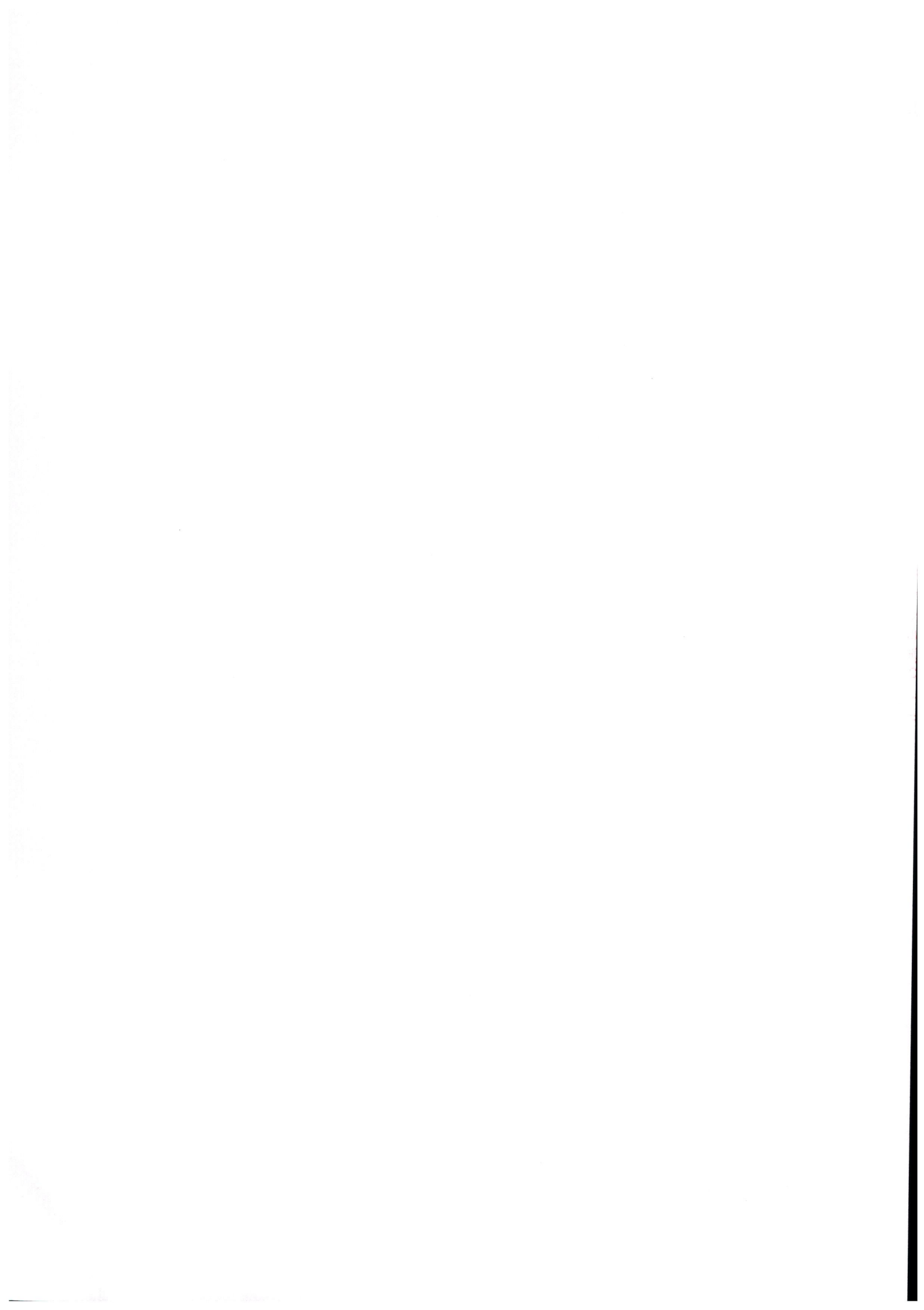
TT	LỰC LƯỢNG	Tổng Cộng	Huyện Phú Lộc	Huyện Nam Đông	Thị xã Hương Thủy	Thành Phố Huế	Huyện Phú Vang	Huyện Phong Điền	Huyện Quảng Điền	Huyện A Lưới	Thị xã Hương Trà
1	Lực lượng Quân sự tỉnh	1.241	142	140	137	138	135	133	135	147	134
2	Hiệp đồng Sư đoàn 968	400									
3	Bộ đội Biên phòng	402	78				66	32	10	226	
4	Công an	1.334	187	95	290	120	320	212	48	55	55
5	Y tế	897	196		70	84	190	172	131	169	16
6	Thanh niên tình nguyện	4.286	554	256	300	362	551	1.281	116	859	123
7	Doanh nghiệp huy động	445	55		150	170	7	63	7		-
8	Hội Chữ thập đỏ	373	157		12	95	79		13		30
9	Hội Nông dân	771	99	155			101		24		416
10	Hội Phụ nữ	113	18				95		14		-
11	Hội Cựu chiến binh	173	18	120			5		14		30
12	Dân quân tự vệ	19.780	2.203	885	1.758	6.258	2.435	1.673	150	1.434	1.920
13	Lực lượng PCTT	1.900	668	674			488		873		70
14	Mặt trận	33	33				-		10		-
15	Lực lượng xung kích	1.136	155				365		689		616
16	Cán bộ xã	404		234				170	960		
17	Lực lượng khác	65		65					-		
18	Nhân dân	360			360				-		
19	Chi hội nghề cá	140					140		48		
	Tổng cộng	34.253	4.563	2.484	3.077	7.227	4.977	3.736	4	2.890	3.410



Phụ lục 14b:

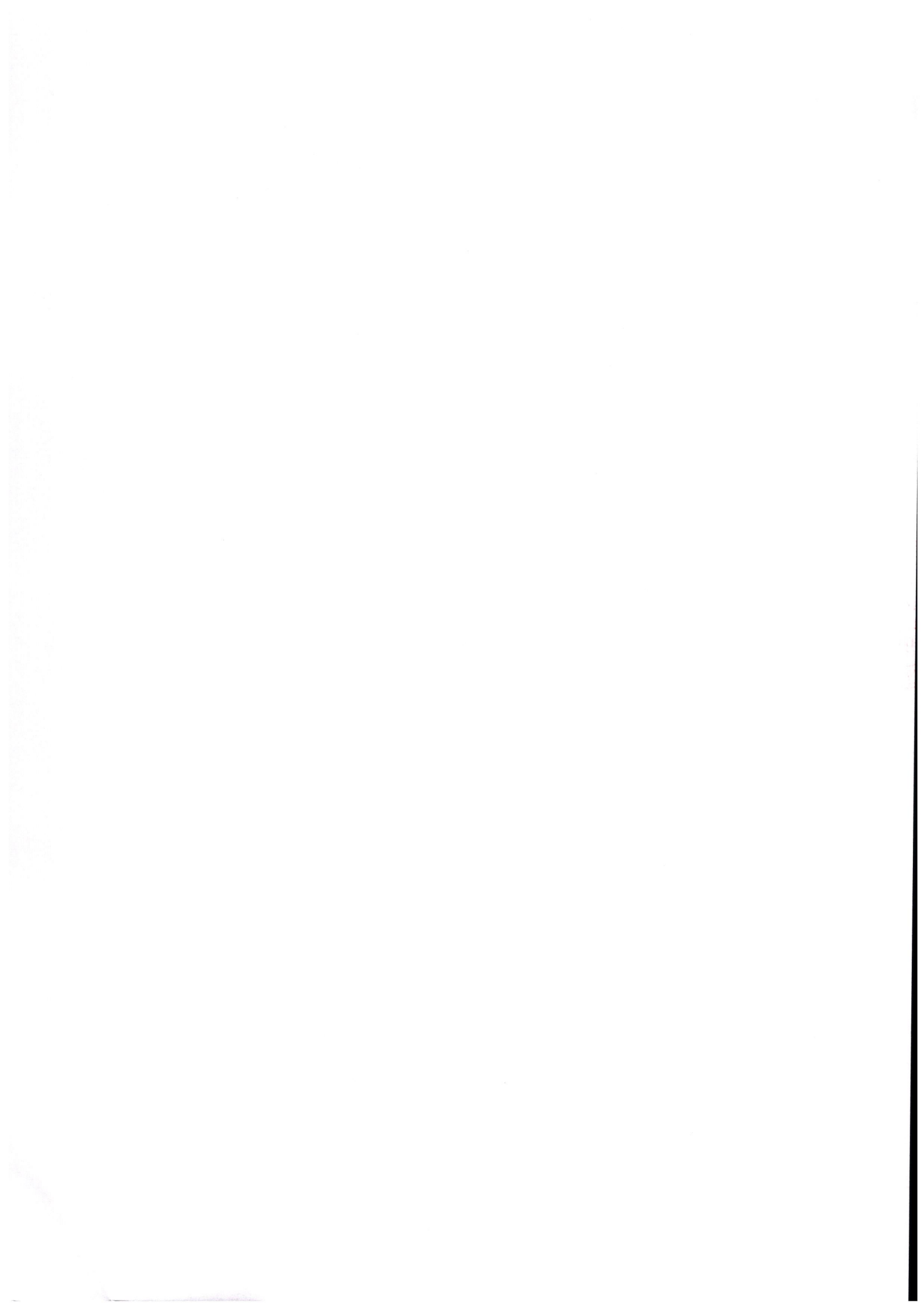
THÔNG TIN VỀ NHU YẾU PHẨM TÍNH THỬA THIÊN HUỆ

STT	Đơn vị	Ringer	NaCl	Ery	Cipro	Doxy	Rifamy cin	ORS	Para	Vit C	Dây chuyên	Kim én	Hóa chất diệt mũi	Cloram in B
		(lít)	(lít)	(viên 250mg)	(viên 500mg)	(viên 100mg)	(viên 300mg)	(gói)	(viên 500mg)	(viên 500mg)	(bộ)	(cái)		(kg)
1	Huyện Phong Điền	12	0	0	0	0	100	0	300	0	0	0	10	35
2	Huyện Quảng Điền	10	5	200	200	200	100	50	0	0	10	10	10	35
3	Thị Xã Hương Trà	10	0	0	0	0	100	0	300	0	0	0	20	52
4	Thành Phố Huế	127	15	0	980	330	100	0	530	0	136	12	39	76
5	Huyện Phú Vang	30	0	0	0	0	100	0	0	0	30	10	48	36,5
6	Thị Xã Hương Thủy	44	14	0	130	0	100	416	0	330	12	12	15	61
7	Huyện Phú Lộc	5	100	0	0	0	100	0	0	0	100	0	43	78
8	Huyện Nam Đông	0	0	0	0	0	100	100	0	0	0	0	10	35
9	Huyện A Lưới	28	10	567	0	90	100	0	90	0	0	0	34	45
	Tổng cộng	266	144	767	1310	620	900	566	1220	330	288	44	229	453,5



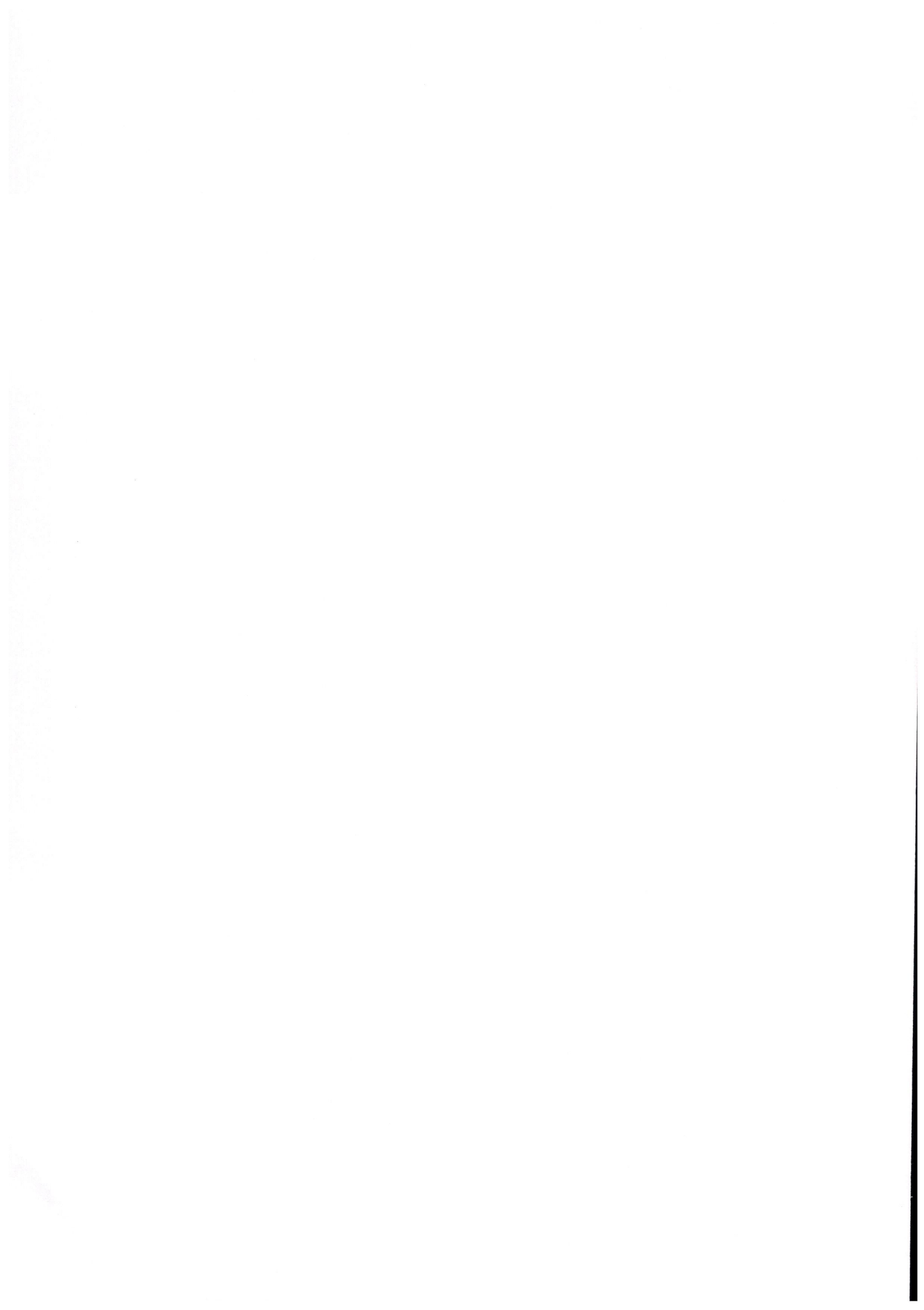
Phụ lục 15:
NGUỒN NHÂN LỰC TẠI VĂN PHÒNG THƯỜNG TRƯỞNG BCH PCTT CÁC CẤP TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

TT	Tỉnh	Dưới đại học	Trình độ Đại học	Trên Đại học		Tổng	Kinh nghiệm trên 10 năm	Kinh nghiệm 5-10 năm	Ghi chú
				ĐT trong nước	ĐT nước ngoài				
I. CẤP TỈNH									
1	Văn phòng thường trực	0	18	18		18	5	13	
II. CẤP HUYỆN									
1	Phong Điền					9			Kiểm nhiệm
2	Quảng Điền					9			Kiểm nhiệm
3	Hương Trà					10			Kiểm nhiệm
4	TP Huế					2			Kiểm nhiệm
5	Hương Thủy					9			Kiểm nhiệm
6	A Lưới					2			Kiểm nhiệm
7	Nam Đông					3			Kiểm nhiệm
8	Phú Vang					13			Kiểm nhiệm
9	Phú Lộc					5			Kiểm nhiệm



PHỤ LỤC 16
TỔNG HỢP CÁC VỊ TRÍ CƠ NGUY CƠ CAO XÂY RA SẮT LỖ ĐẤT, LỬ QUÉT KHI MƯA LỚN KÉO DÀI XÂY RA

TT	Vị trí	Địa điểm	Hiện trạng sắt lỗ	Số hộ có nguy cơ ảnh hưởng (H6)	Giải pháp trước mắt	Giải pháp lâu dài
TỔNG CỘNG				2951		
I NAM ĐÔNG				232		
1	Sắt lỗ đất bờ sông, lử quét khu vực thôn 2	Thôn 2, xã Thượng Nhật	Khu vực hạ lưu Thủy điện Thượng Nhật, mùa mưa lũ năm 2020 thủy điện Thượng Nhật xả nước làm sắt lỗ đất sản xuất, trôi các mộ ở dọc hai bên bờ sông của người dân.	89	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Phương án 1: Di dời các hộ có nguy cơ ảnh hưởng TĐC. Phương án 2: Khảo sát, đánh giá mức độ nguy hiểm về lử quét, sắt lỗ đất để thực hiện các giải pháp công trình.
2	Sắt lỗ đồi Khe Tre	Tổ dân phố II, thị trấn Khe Tre	Mưa lũ những năm trước đã xây ra sắt lỗ đất làm hư hỏng một số công trình phụ của các hộ dân	13	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Di dời các hộ ở khu vực chân đồi đến vị trí khác an toàn (dự kiến XD khu TĐC ở TDP 1).
3	Khu vực dân cư ở giữa đường tỉnh lộ 14B với đường cao tốc La Sơn - Tuy Loan	Tổ dân phố I, thị trấn Khe Tre	Nhà dân ở sát đường cao tốc La Sơn - Tuy Loan, quá trình thi công đường cao tốc La Sơn - Tuy Loan đã đào phần chân của đồi	9	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Đang làm thủ tục di dời TĐC các hộ từ nguồn kinh phí dự án cao tốc La Sơn - Tuy Loan)
4	Sắt lỗ đất, lử quét vùng Pa Yêm	Thôn Ria Hố, xã Thượng Lộ	Mưa lũ năm 2020 đã gây xói lổ, hư hỏng cầu dân sinh, sắt lỗ đất bờ khe La Hố. Xóm dân cư ở phía trước là khe suối, phía sau là đồi cao đang trồng keo	6	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Di dời tái định cư 6 hộ hộ đến vị trí khác để đảm bảo an toàn
5	Lử quét, sắt lỗ đất bờ khe Ka Zan	Thôn Dối, Thượng Lộ	Mưa lũ năm 2020 đã làm bồi lấp công qua đường, làm nước tràn vào khu dân cư	30	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Làm kè rọ đá để chống sắt lỗ đất và khơi thông chính dòng chảy theo hiện trạng ban đầu.
6	Sắt lỗ đất từ ngã ba cầu Thượng Long đến Trường THCS Long Quảng	Thôn 5 xã Thượng Long	Mưa lũ năm 2020 đã xây ra sắt lỗ đất 03 vị trí (chiều dài 100m) ở đồi xuống đường tỉnh lộ 14B	10	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	di dời tái định cư 10 hộ đến khu quy hoạch tập trung xã tại thôn 6 (Khu QH TĐC đang đề nghị đầu tư)
7	Sắt lỗ bờ sông tại thôn 7, xã Thượng Long	Thôn 7, xã Thượng Long	Mưa lũ năm 2020 đã sắt lỗ đất (chiều dài 400m) vào gần đường trục thôn 7, xã Thượng Long	7	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Đầu tư kè chống sắt lỗ bờ sông, chính dòng chảy

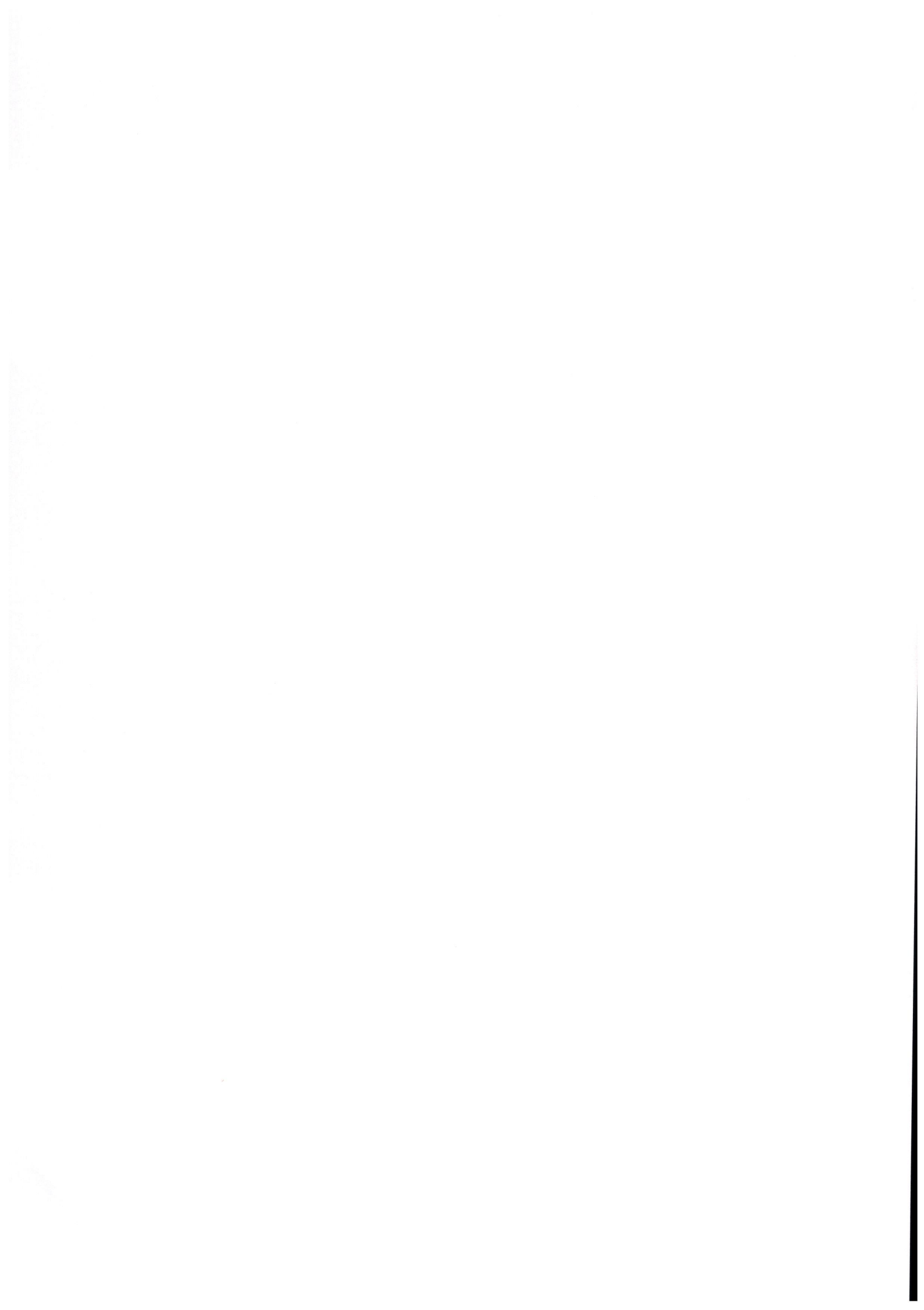


TT	Vị trí	Địa điểm	Hiện trạng sắt lờ	Số hộ có nguyên cơ ảnh hưởng (Hộ)	Giải pháp trước mắt	Giải pháp lâu dài
8	Sắt lờ đất đồi trước quán Thảo Nguyễn Xanh, Hương Phú	Thôn Đa Phú, Hương Phú	Đồi cao, quá trình thi công đường cao tốc La Sơn - Tuy Loan đã đào phần chân của đồi	18	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Đề nghị cấp trên khảo sát, đánh giá mức độ an toàn, nguyên cơ sắt lờ của đồi đất, để có Phương án di dời tái định cư
9	Sắt lờ đất đồi ở khu vực xóm 4 thôn 1, xóm 4 thôn 2	Thôn 1, thôn 2, Xã Hương Hữu	Chưa có dấu hiệu sắt lờ	35	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Theo dõi, đánh giá mức độ an toàn, nguyên cơ trượt, sắt lờ đất của đồi để có Phương án di dời tái định cư
10	Sắt lờ bờ sông Tả Trạch	Thôn Bhar Bha, Hương Sơn	Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ đất sản xuất gần bờ sông Tả Trạch	15	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bờ sông Tả Trạch tại khu vực thôn Bhar Bhar để chống sắt lờ
II ALLUỐI				380		
1	Phú Vinh		Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ	32	Di dời về khu vực di dân Bót Đò	Khắc phục tại chỗ, dùng máy đào xúc đất, hạ thấp cao trình đồi đến cao trình đáy cung trượt cho phép
2	Hồng Thượng		Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ	10	Di dời tạm thời	Bố trí dân cư Vùng ảnh hưởng sắt lờ do thiên tai
3	Hồng Thái		Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ	8	Di dời tạm thời	Bố trí dân cư Vùng ảnh hưởng sắt lờ do thiên tai
4	Hồng Hạ		Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ	9	Di dời tạm thời	Bố trí dân cư Vùng ảnh hưởng sắt lờ do thiên tai
5	Quảng Nhâm		Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ	88	Di dời tạm thời	Bố trí dân cư Vùng ảnh hưởng sắt lờ do thiên tai
6	Lâm Đốt		Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ	172	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Bố trí dân cư Vùng ảnh hưởng sắt lờ do thiên tai
7	A Roàng		Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ	12	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Bố trí dân cư Vùng ảnh hưởng sắt lờ do thiên tai
8	Hương Phong		Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ	3	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Bố trí dân cư Vùng ảnh hưởng sắt lờ do thiên tai
9	Trung Sơn		Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ	20	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Bố trí dân cư Vùng ảnh hưởng sắt lờ do thiên tai
10	Hồng Vân		Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ	10	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Bố trí dân cư Vùng ảnh hưởng sắt lờ do thiên tai

TT	Vị trí	Địa điểm	Hiện trạng sạt lở	Số hộ có nguy cơ ảnh hưởng (Hộ)	Giải pháp trước mắt	Giải pháp lâu dài
11	Hương Nguyễn		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	2	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Bổ trí dân cư Vùng ảnh hưởng sạt lở do thiên tai
12	Đông Sơn		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	2	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Bổ trí dân cư Vùng ảnh hưởng sạt lở do thiên tai
13	Hồng Kim		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	5	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Bổ trí dân cư Vùng ảnh hưởng sạt lở do thiên tai
14	Hồng Bắc		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	2	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Bổ trí dân cư Vùng ảnh hưởng sạt lở do thiên tai
15	Hồng Thủy		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	5	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Bổ trí dân cư Vùng ảnh hưởng sạt lở do thiên tai
III PHONG ĐIỀN						
1	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Diên Hòa, huyện Phong Điền		bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 7÷10, có nơi 15 m ảnh hưởng 70 hộ dân, công trình hạ tầng thiết yếu	70	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án thực hiện bảo vệ hơn 70 hộ dân, bảo vệ tuyến đường ven biển, bảo vệ rừng phòng hộ và công trình hạ tầng thiết yếu
2	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Phong Hải, huyện Phong Điền		bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 7÷10, có nơi 15 m ảnh hưởng 130 hộ dân, công trình hạ tầng thiết yếu	130	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án thực hiện bảo vệ hơn 130 hộ dân, bảo vệ tuyến đường ven biển, bảo vệ rừng phòng hộ, bảo vệ khu nuôi tôm công nghệ cao, Khu hệ thống ra đa quân sự và công trình hạ tầng thiết yếu
IV QUẢNG ĐIỀN						
1	Bờ hữu sông Bồ đoạn qua xã Quảng An	Thôn An Xuân Tây	Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở đất gần bờ sông	90	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bảo vệ, công sạt lở bờ sông
2	Sạt lở bờ sông Bồđoạn qua xã Quảng An	Thôn Phú Lương B (bờ Tả)	Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở đất gần bờ sông	63	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bảo vệ, công sạt lở bờ sông
		Thôn Phú Lương B (Bờ Hữu)	Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở đất gần bờ sông	42	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bảo vệ, công sạt lở bờ sông
3	Sạt lở bờ sông Bồ đoạn qua xã Quảng An	Thôn Phước Thanh	Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở đất gần bờ sông	25	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bảo vệ, công sạt lở bờ sông

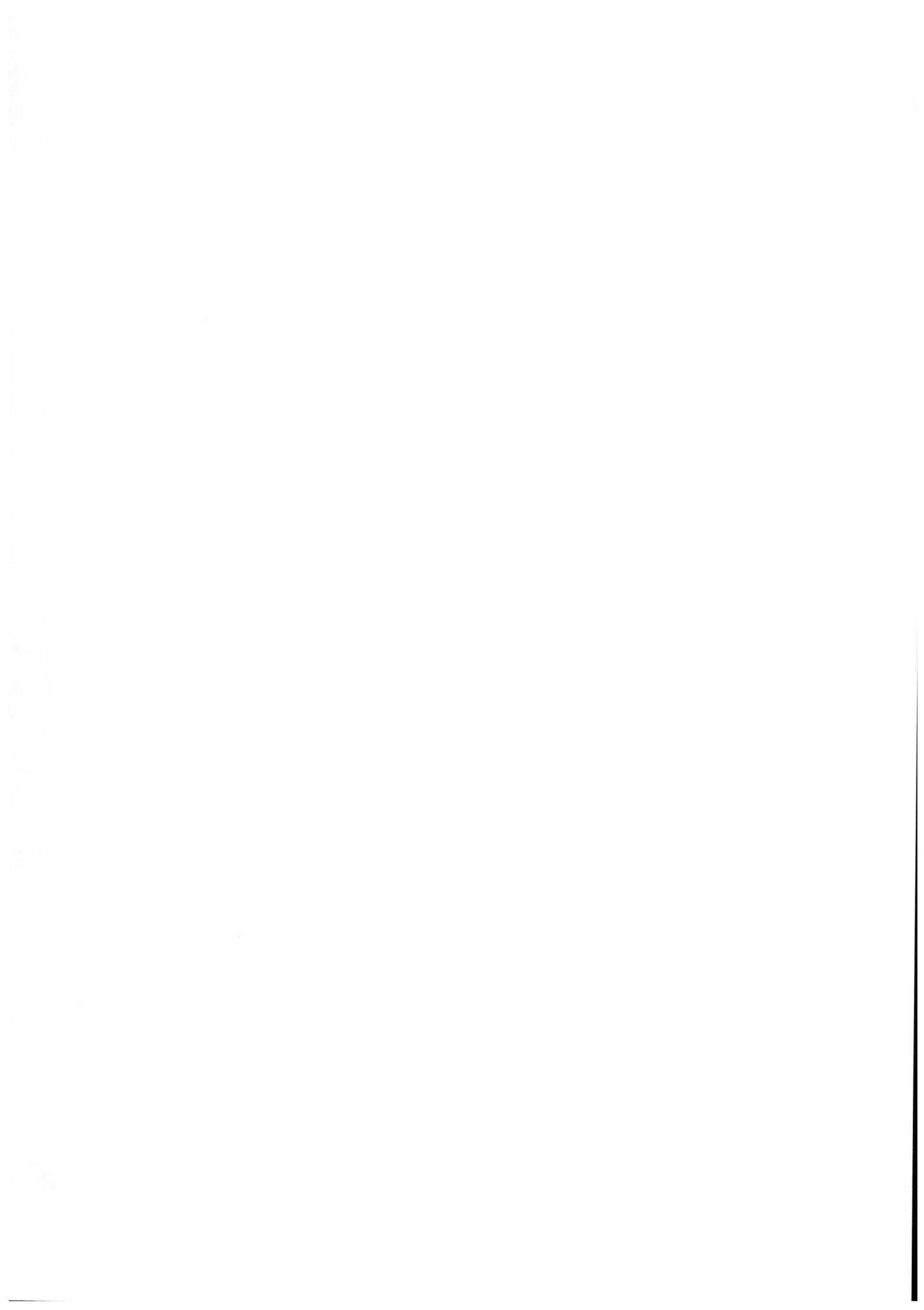


TT	Vị trí	Địa điểm	Hiện trạng sắt lờ	Số hộ có nguy cơ ảnh hưởng (Hộ)	Giải pháp trước mắt	Giải pháp lâu dài
4	Sắt lờ bờ sông Bò đoạn qua xã Quảng Thành	Thôn Phú Lương A, Thanh Hà	Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ đất gần bờ sông, cơ sở hạ tầng dân sinh	28	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bảo vệ, công sắt lờ bờ sông
5	Sắt lờ bờ sông Bò đoạn qua xã Quảng Phú	Thôn Hà Càng, Hạ Lang	Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ đất gần bờ sông, cơ sở hạ tầng dân sinh	80	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bảo vệ, công sắt lờ bờ sông
V	HƯƠNG TRÀ			114		
1	Sắt lờ bờ sông Bò	Hương Xuân	Làm mất đất sản xuất khoảng 1,5 ha với chiều dài khoảng 500m, lún sâu vào bờ khoảng 30m, gây ảnh hưởng đến dòng chảy và có nguy cơ tiếp tục xói lờ trong mùa mưa lũ	40	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bảo vệ, chống sắt lờ bờ sông
2	Sắt lờ bờ sông Bò	Hương Văn	Chiều dài khoảng 420m, lún sâu vào bờ khoảng (5÷7)m đã ảnh hưởng trực tiếp đến 11 hộ dân đang sinh sống và có nguy cơ mở rộng xâm thực làm ảnh hưởng đến 5 ha đất sản xuất nông nghiệp	11	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bảo vệ, chống sắt lờ bờ sông
3	Sắt lờ bờ sông Bò	Tứ Hà	Chiều dài khoảng 1.200m, lún sâu vào bờ khoảng (3÷5)m đã ảnh hưởng trực tiếp đến khu dân cư Tổ dân phố 4 và tuyến đường nội thị dọc sát bờ sông. Đã làm hư hỏng, nứt nẻ tường, nền nhà của 19 hộ dân đang sinh sống dọc sát bờ sông, có chiều dài khoảng 630m và có nguy cơ tiếp tục xói lờ trong mùa mưa lũ.	19	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bảo vệ, chống sắt lờ bờ sông
4	Sắt lờ bờ sông Hương	Hương Hồ	Tổ dân phố Long Hồ Thượng 2, phường Hương Hồ với chiều dài khoảng 20m trường hợp xảy ra sắt lờ sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các hộ dân trong vùng	3	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bảo vệ, chống sắt lờ bờ sông

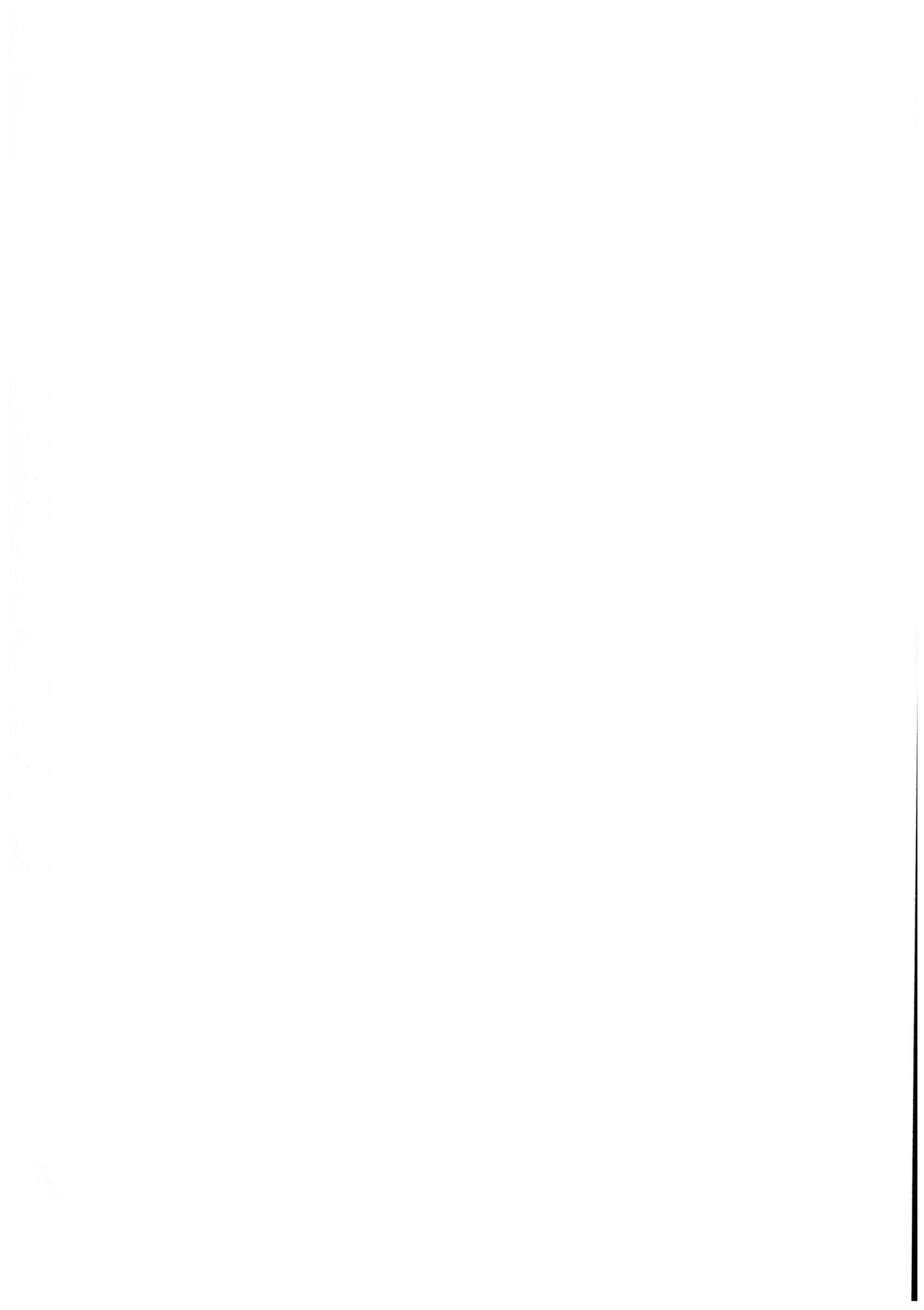


TT	Vị trí	Địa điểm	Hiện trạng sạt lở	Số hộ có nguy cơ ảnh hưởng (Hộ)	Giải pháp trước mắt	Giải pháp lâu dài
5	Sạt lở bờ sông Bồ	Hương Vân	Chiều dài khoảng 50m, đã ảnh hưởng trực tiếp đến 5 hộ dân đang sinh sống và có nguy cơ mở rộng xâm thực làm ảnh hưởng đến đất sản xuất nông nghiệp	5	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bảo vệ, chống sạt lở bờ sông
6	Sạt lở bờ sông Tả Trạch	Hương Thọ	Tổng chiều dài 3 đoạn khoảng 270m, đã ảnh hưởng trực tiếp đến 6 hộ dân đang sinh sống và có nguy cơ mở rộng xâm thực làm ảnh hưởng đến đường giao thông.	6	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bảo vệ, chống sạt lở bờ sông
7	Sạt lở bờ sông Hương	Hương Vinh	Tổng chiều dài khoảng 800m (thôn Địa Linh), đã ảnh hưởng trực tiếp đến 30 hộ dân đang sinh sống.	30	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài	Xây dựng kè bảo vệ, chống sạt lở bờ sông
8	Sạt lở bờ sông Hương	Hương Phong	Tổng chiều dài khoảng 1700m, có nguy cơ mở rộng xâm thực làm ảnh hưởng đến đường giao thông liên thôn.			Xây dựng kè bảo vệ, chống sạt lở bờ sông
VI PHÚ VANG				1308		
1	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Phú Thuận, huyện Phú Vang	Phú Thuận	bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 10÷30, ảnh hưởng 500 hộ dân, khu du lịch Beach Park công trình hạ tầng thiết yếu	500	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Dự án thực hiện bảo vệ hơn 500 hộ dân, bảo vệ tuyến đường ven biển, các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng biển, bảo vệ rừng phòng hộ và công trình hạ tầng thiết yếu
2	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Phú Hải, huyện Phú Vang	Phú Hải	bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 10÷15, có nơi 20 m ảnh hưởng 300 hộ dân, công trình hạ tầng thiết yếu	300	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Dự án thực hiện bảo vệ hơn 300 hộ dân, bảo vệ tuyến đường ven biển, bảo vệ rừng phòng hộ và công trình hạ tầng thiết yếu
3	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Phú Diên, huyện Phú Vang	Phú Diên	bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 10÷15, có nơi 20 m ảnh hưởng 300 hộ dân, công trình hạ tầng thiết yếu	300	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Dự án thực hiện bảo vệ hơn 300 hộ dân, bảo vệ tuyến đường ven biển, di tích lịch sử Tháp Chàm, bảo vệ rừng phòng hộ và công trình hạ tầng thiết yếu

TT	Vị trí	Địa điểm	Hiện trạng sắt lờ	Số hộ có nguy cơ ảnh hưởng (Hộ)	Giải pháp trước mắt	Giải pháp lâu dài
4	Sắt lờ bờ biển đoạn qua xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang	Vinh Thanh	bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 10÷15, có nơi 20 m ảnh hưởng 100 hộ dân, công trình hạ tầng thiết yếu	100	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Dự án thực hiện bảo vệ hơn 100 hộ dân, bảo vệ tuyến đường ven biển, các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, sân golf ven biển, bảo vệ rừng phòng hộ và công trình hạ tầng thiết yếu
5	Sắt lờ bờ biển đoạn qua thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang	Thuận An	bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 5÷7m, ảnh hưởng đến rừng phòng hộ ven biển		Dùng bao cát để chắn hạn chế xâm thực	Trồng cây chống sắt lờ và có phương án xây dựng bờ kè chống sắt lờ
6	Sắt lờ bờ biển đoạn qua xã Vinh An, huyện Phú Vang	Vinh An	bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 5÷7m, ảnh hưởng 01 hộ dân	1	Sơ tán tạm thời hộ dân đến vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Trồng cây chống sắt lờ và có phương án xây dựng bờ kè chống sắt lờ
7	Sắt lờ bờ sông đoạn từ Khu định cư Quy Lai đến chùa Quỳnh Hòa An đến Đại Lộc, xã Phú Thanh	Phú Thanh	Mưa lũ đã sắt lờ đất (chiều dài 3km), ảnh hưởng đến 100 hộ dân và ruộng sản xuất.	100	Sơ tán tạm thời các hộ dân đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Đầu tư kè chống sắt lờ bờ sông
8	Sắt lờ bờ sông đoạn thôn Phú Khê và thôn Phò An	Phú Dương	Mưa lũ đã sắt lờ đất (đoạn thôn Phú Khê chiều dài 0,1km, ảnh hưởng đến 07 hộ dân sông tại đây và đoạn thôn Phò An chiều dài 0,2 km, ảnh hưởng đến giao thông đi lại của người dân thôn Phò An và thôn Mỹ An)	7	Sơ tán tạm thời các hộ dân đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Đầu tư kè chống sắt lờ bờ sông
VII PHỤ LỘC				514		
1	Sắt lờ bờ biển đoạn qua xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc	Vinh Mỹ	Bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 10÷15 m ảnh hưởng 100 hộ dân, công trình hạ tầng thiết yếu	100	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án bảo vệ hơn 100 hộ dân, bảo vệ tuyến đường ven biển, các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng biển, bảo vệ rừng phòng hộ và công trình hạ tầng thiết yếu



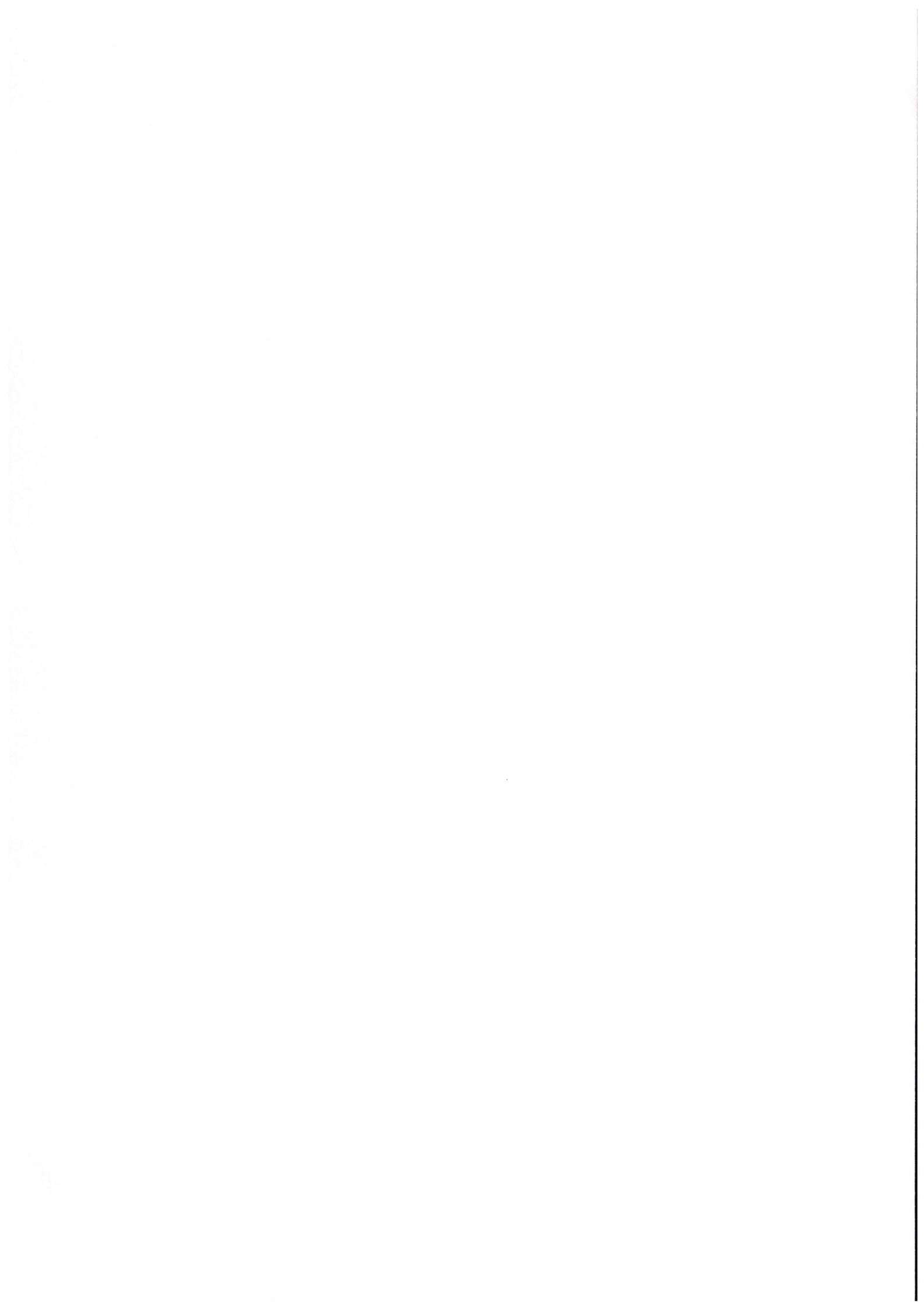
TT	Vị trí	Địa điểm	Hiện trạng sắt lờ	Số hộ có nguyên cơ ảnh hưởng (Hộ)	Giải pháp trước mắt	Giải pháp lâu dài
2	Sắt lờ bờ biển đoạn qua xã Giang Hải, huyện Phú Lộc	Giang Hải	Bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 10÷30, ảnh hưởng 400 hộ dân, mất đường tỉnh lộ 21, công trình hạ tầng thiết yếu, nguy cơ mở cửa biển	400	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai bảo vệ hơn 400 hộ dân, bảo vệ tuyến đường ven biển, các khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng biển, bảo vệ rừng phòng hộ và công trình hạ tầng thiết yếu
3	Sắt lờ chân đèo thôn Phú Già, xã Lộc Tiến	Xã Lộc Tiến	Nguy cơ sắt lờ chân đèo thôn Phú Già, xã Lộc Tiến ảnh hưởng đến các hộ dân	14	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Đang triển khai dự án tái định cư
4	Sắt lờ thôn Trung Phước Tượng	Xã Lộc Trì	Dự án , ở sát chân núi nguy cơ sắt lờ cao, chưa có đất bố trí.	4	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án tái định cư
VII I	HƯƠNG THUY			339		
1	Sắt lờ bờ sông	Xã Thuy Thanh	Ở dọc các con sông 170 hộ, 510 khẩu, diện tích khoảng 8,5 ha	170	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án di dời sắt lờ
2	Sắt lờ bờ sông	Phường Thuy Lương	Ở dọc lưng nước chảy xiết 18hộ, 65 khẩu, diện tích khoảng 0,9 ha	18	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án di dời sắt lờ
3	Sắt lờ đồi, núi	Xã Thuy Bằng	Ở dưới chân núi, 17 hộ, 51 khẩu, diện tích khoảng 0,85 hã	17	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án di dời sắt lờ
4	Sắt lờ đồi, núi	Phường Thuy Dương	Ở dưới chân núi 29 hộ, 116 khẩu, diện tích khoảng 1 ha	29	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án di dời sắt lờ
5	Sắt lờ đồi, núi	Xã Dương Hòa	Ở dưới chân núi 29 hộ, 15 khẩu, diện tích khoảng 0,5 ha	5	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án di dời sắt lờ
6	Sắt lờ đồi, núi	Phường Phú Bái	Ở dưới chân núi 48 hộ, 114 khẩu, diện tích khoảng 2,4 ha	48	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án di dời sắt lờ



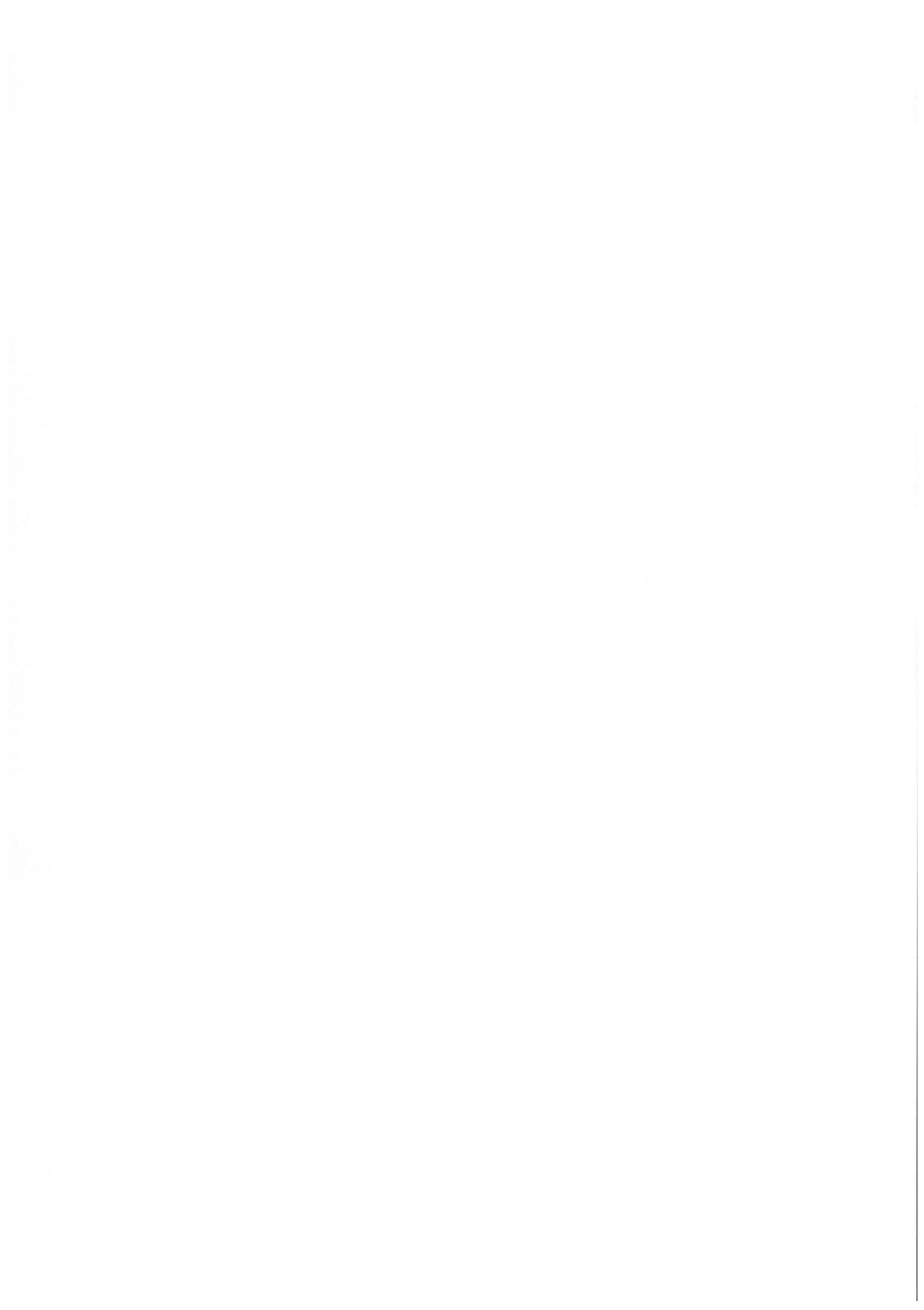
TT	Vị trí	Địa điểm	Hiện trạng sắt lờ	Số hộ có nguy cơ ảnh hưởng (HỘ)	Giải pháp trước mắt	Giải pháp lâu dài
7	Sạt lở đồi, núi	Phường Thủy Phương	Ở dưới chân núi 11 hộ, 45 khẩu, diện tích khoảng 0,75 ha	11	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án di dời sắt lờ
8	Sạt lở đồi, núi	Phường Thủy Châu	Ở dưới chân núi 37 hộ, 115 khẩu, diện tích khoảng 1,85 ha	37	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án di dời sắt lờ
9	Sạt lở đồi, núi	Xã Thủy Phù	Ở dưới chân núi 4 hộ, 16 khẩu, diện tích khoảng 0,5 ha	4	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án di dời sắt lờ
IX	THÀNH PHỐ HUẾ			75		
1	Sạt lở bờ Sông Bạch Yến thuộc địa bàn phường Kim Long	Kim Long	Chiều dài khoảng 1370m, bị sạt lở ảnh hưởng đến đường giao thông và 30 các hộ dân sinh sống dọc hai bên bờ sông. Do khó khăn về kinh phí nên UBND phường đang đầu tư xây kè hai bên bờ sông dài khoảng 230m, các đoạn còn lại tiếp tục sạt lở;	30	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án kè chống xói lở bờ sông
2	Sạt lở bờ Sông Vạn Xuân	Kim Long	Đoạn từ cầu Kim Long đến cầu Vạn Xuân dài khoảng 580m được Nhà nước đầu tư xây dựng kè khoảng 150m, còn lại khoảng 430m chưa được đầu tư xây kè nên đến mùa lũ thường sạt lở ảnh hưởng đến tài sản và tính mạng của 45 hộ dân sống dọc bờ sông	45	Sơ tán tạm thời các hộ đến các vị trí an toàn khi có mưa lớn kéo dài, bão, áp thấp nhiệt đới	Triển khai dự án kè chống xói lở bờ sông

Phụ lục 16:
CÁC TRẦN LỮ QUÉT, SẮT LỖ ĐẤT LỚN ĐÃ XÂY RA TỪ 2016 ĐẾN 2020 TẠI TỈNH THỪA THIÊN HUỆ

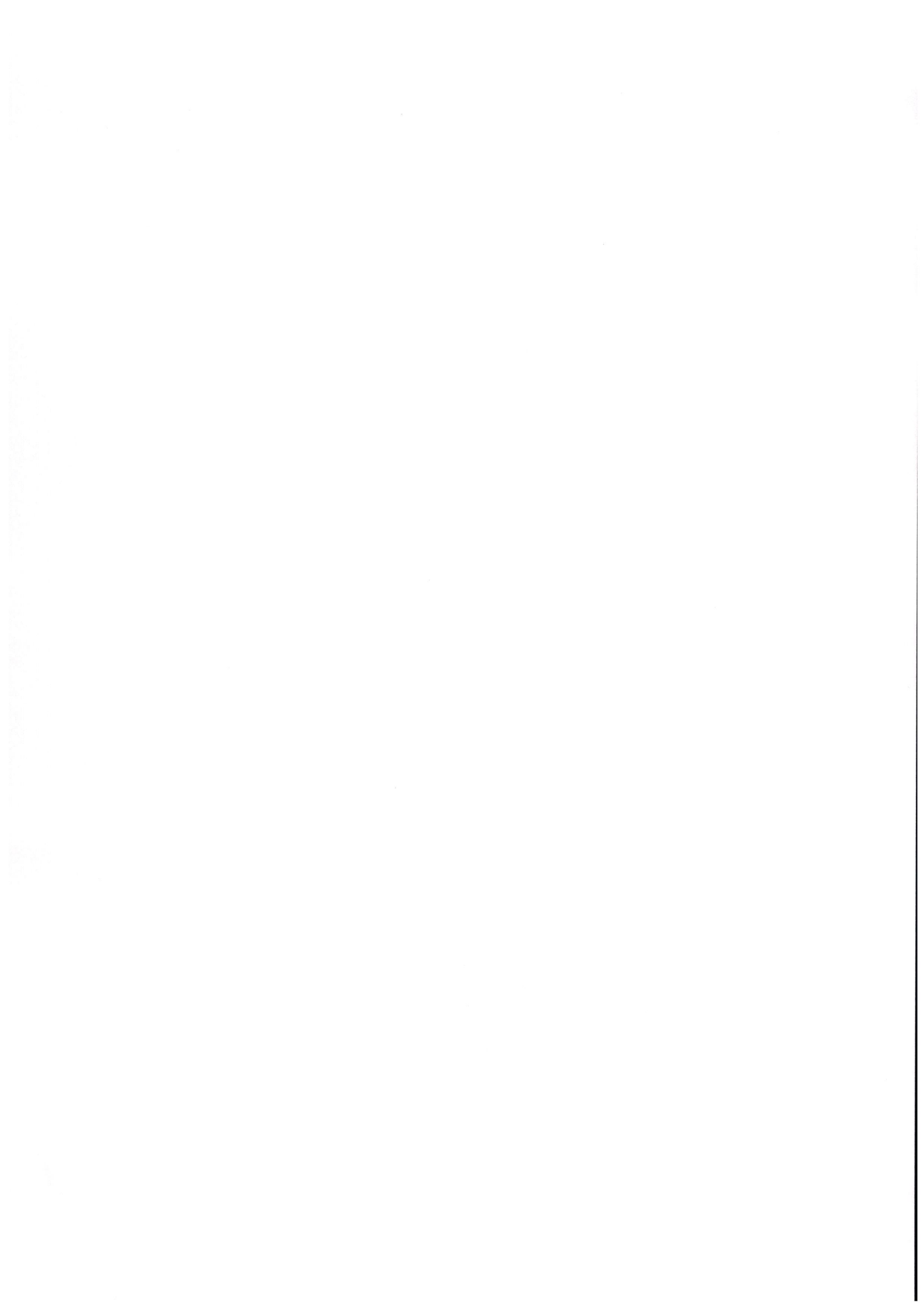
TT	Địa điểm	Hiện trạng sắt lỗ	Số hộ dân ảnh hưởng	Lũ quét	Sắt lỗ đất
I	Huyện Nam Đông		232		
1	Sắt lỗ đất bờ sông, lũ quét khu vực thôn 2	Thôn 2, xã Thượng Nhật Khu vực hạ lưu Thủy điện Thượng Nhật, mùa mưa lũ năm 2020 thủy điện Thượng Nhật xả nước làm sắt lỗ đất sản xuất, trôi các mộ ở dọc hai bên bờ sông của người dân.	89		
2	Sắt lỗ đồi Khe Tre	Tổ dân phố II, thị trấn Khe Tre Mưa lũ những năm trước đã xây ra sắt lỗ đất làm hư hỏng một số công trình phụ của các hộ dân	13		
3	Khu vực dân cư ở giữa đường tỉnh lộ 14B với đường cao tốc La Sơn - Túy Loan	Tổ dân phố I, thị trấn Khe Tre Nhà dân ở sát đường cao tốc La Sơn - Túy Loan, quá trình thi công đường cao tốc La Sơn - Túy Loan đã đào phần chân của đồi	9		
4	Sắt lỗ đất, lũ quét vùng Pa Yên	Thôn Rìa Hố, xã Thượng Lộ Mưa lũ năm 2020 đã gây xói lở, hư hỏng cầu dân sinh, sắt lỗ đất bờ khe La Hố. Xóm dân cư ở phía trước là khe suối, phía sau là đồi cao đang trồng keo	6		
5	Lũ quét, sắt lỗ đất bờ khe Ka Zan	Thôn Dối, Thượng Lộ Mưa lũ năm 2020 đã làm bồi lấp công qua đường, làm nước tràn vào khu dân cư	30		
6	Sắt lỗ đất từ ngã ba cầu Thượng Long đến Trường THCS Long Quảng	Thôn 5 xã Thượng Long Mưa lũ năm 2020 đã xây ra sắt lỗ đất 03 vị trí (chiều dài 100m) ở đồi xuống đường tỉnh lộ 14B	10		
7	Sắt lỗ bờ sông tại thôn 7, xã Thượng Long	Thôn 7, xã Thượng Long Mưa lũ năm 2020 đã sắt lỗ đất (chiều dài 400m) vào gần đường trục thôn 7, xã Thượng Long	7		



8	Sạt lở đất đồi trước quán Thảo Nguyên Xanh, Hương Phú	Thôn Đa Phú, Hương Phú	Đồi cao, quá trình thi công đường cao tốc La Sơn - Túy Loan đã đào phần chân của đồi	18		
9	Sạt lở đất đồi ở khu vực xóm 4 thôn 1, xóm 4 thôn 2	Thôn 1, thôn 2, Xã Hương Hữu	Chưa có dấu hiệu sạt lở	35		
10	Sạt lở bờ sông Tà Trạch	Thôn Bhar Bha, Hương Sơn	Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở đất sản xuất gần bờ sông Tà Trạch	15		
II Huyện A Lưới				380		
1	Phú Vinh		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	32		
2	Hồng Thượng		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	10		
3	Hồng Thái		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	8		
4	Hồng Hà		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	9		
5	Quảng Nhâm		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	88		
6	Lâm Đót		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	172		
7	A Ràng		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	12		
8	Hương Phong		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	3		
9	Trung Sơn		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	20		
10	Hồng Vân		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	10		
11	Hương Nguyên		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	2		
12	Đông Sơn		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	2		
13	Hồng Kim		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	5		
14	Hồng Bắc		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	2		
15	Hồng Thủy		Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở	5		
III Huyện Phong Điền						
1	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Điền Hòa, huyện Phong Điền		bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 7÷10, có nơi 15 m ảnh hưởng 70 hộ dân, công trình hạ tầng thiết yếu	70		
2	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Phong Hải, huyện Phong Điền		bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 7÷10, có nơi 15 m ảnh hưởng 130 hộ dân, công trình hạ tầng thiết yếu	130		
IV Huyện Quảng Điền				328		
1	Bờ hữu sông Bồ đoạn qua xã Quảng An	Thôn An Xuân Tây	Mưa lũ những năm qua đã làm sạt lở đất gần bờ sông	90		



2	Sắt lờ bờ sông Bòđoạn qua xã Quảng An	Thôn Phú Lương B (bờ Tả)	Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ đất gần bờ sông	63		
		Thôn Phú Lương B (Bờ Hữu)	Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ đất gần bờ sông	42		
3	Sắt lờ bờ sông Bò đoạn qua xã Quảng An	Thôn Phước Thanh	Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ đất gần bờ sông	25		
4	Sắt lờ bờ sông Bò đoạn qua xã Quảng Thành	Thôn Phú Lương A, Thanh Hà	Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ đất gần bờ sông, cơ sở hạ tầng dân sinh	28		
5	Sắt lờ bờ sông Bò đoạn qua xã Quảng Phú	Thôn Hà Càng, Hạ Lang	Mưa lũ những năm qua đã làm sắt lờ đất gần bờ sông, cơ sở hạ tầng dân sinh	80		
V	Thị xã Hương Trà			114		
1	Sắt lờ bờ sông Bò	Hương Xuân	Làm mất đất sản xuất khoảng 1,5 ha với chiều dài khoảng 500m, lún sâu vào bờ khoảng 30m, gây ảnh hưởng đến dòng chảy và có nguy cơ tiếp tục xói lờ trong mùa mưa lũ	40		
2	Sắt lờ bờ sông Bò	Hương Văn	Chiều dài khoảng 420m, lún sâu vào bờ khoảng (5÷7)m đã ảnh hưởng trực tiếp đến 11 hộ dân đang sinh sống và có nguy cơ mở rộng xâm thực làm ảnh hưởng đến 5 ha đất sản xuất nông nghiệp	11		
3	Sắt lờ bờ sông Bò	Tứ Hà	Chiều dài khoảng 1.200m, lún sâu vào bờ khoảng (3÷5)m đã ảnh hưởng trực tiếp đến khu dân cư Tỏ dân phố 4 và tuyến đường nội thị dọc sát bờ sông. Đã làm hư hỏng, nứt nẻ tường, nền nhà của 19 hộ dân đang sinh sống dọc sát bờ sông, có chiều dài khoảng 630m và có nguy cơ tiếp tục xói lờ trong mùa mưa lũ.	19		



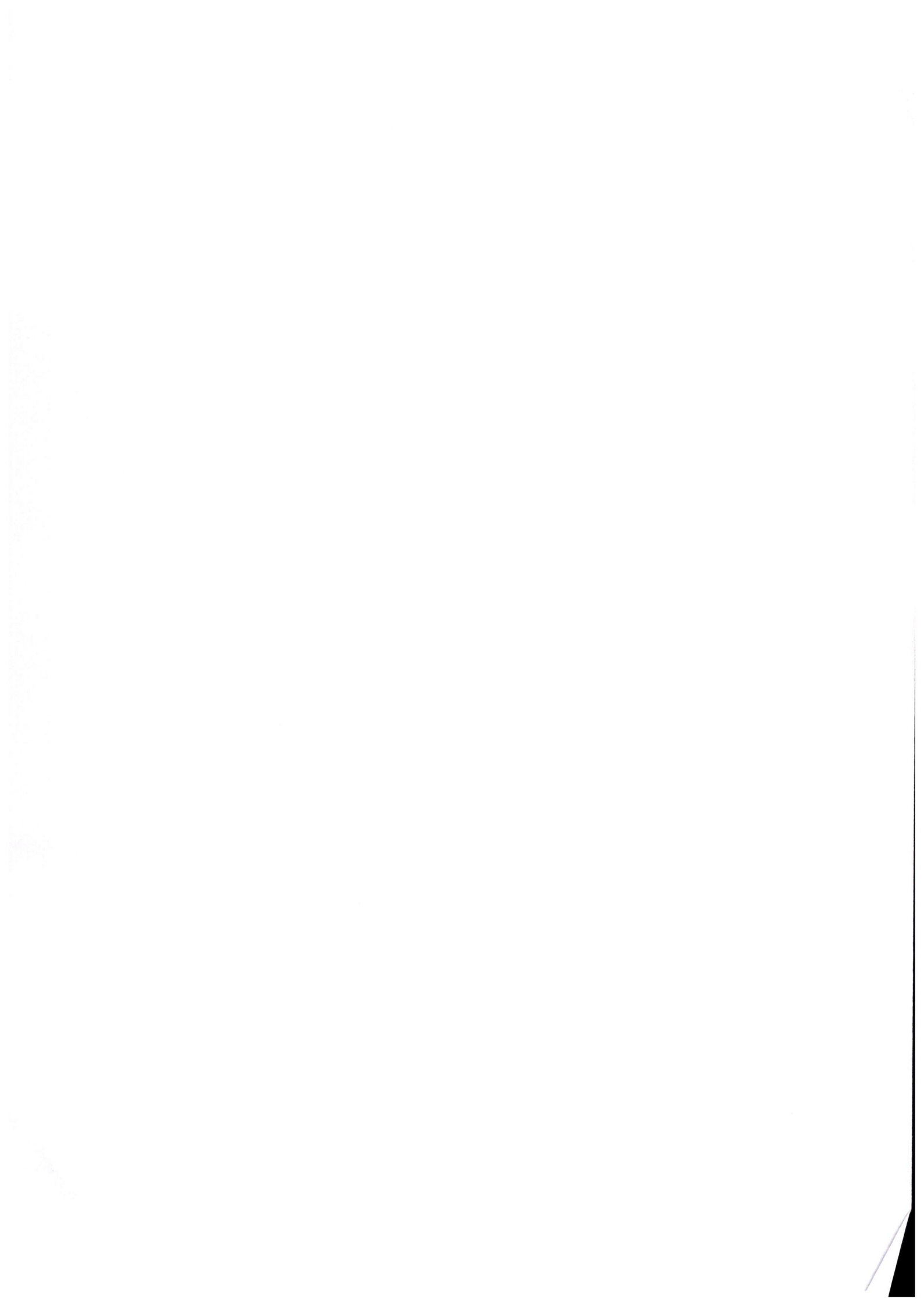
4	Sạt lở bờ sông Hương	Hương Hồ	Tổ dân phố Long Hồ Thượng 2, phường Hương Hồ với chiều dài khoảng 20m trường hợp xảy ra sạt lở sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các hộ dân trong vùng	3		
5	Sạt lở bờ sông Bồ	Hương Vân	Chiều dài khoảng 50m, đã ảnh hưởng trực tiếp đến 5 hộ dân đang sinh sống và có nguy cơ mở rộng xâm thực làm ảnh hưởng đến đất sản xuất nông nghiệp	5		
6	Sạt lở bờ sông Tả Trạch	Hương Thọ	Tổng chiều dài 3 đoạn khoảng 270m, đã ảnh hưởng trực tiếp đến 6 hộ dân đang sinh sống và có nguy cơ mở rộng xâm thực làm ảnh hưởng đến đường giao thông.	6		
7	Sạt lở bờ sông Hương	Hương Vinh	Tổng chiều dài khoảng 800m (thôn Địa Linh), đã ảnh hưởng trực tiếp đến 30 hộ dân đang sinh sống.	30		
8	Sạt lở bờ sông Hương	Hương Phong	Tổng chiều dài khoảng 1700m, có nguy cơ mở rộng xâm thực làm ảnh hưởng đến đường giao thông liên thôn.			
VI	Huyện Phú Vang			1308		
1	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Phú Thuận, huyện Phú Vang	Phú Thuận	bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 10÷30, ảnh hưởng 500 hộ dân, khu du lịch Beach Park công trình hạ tầng thiết yếu	500		
2	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Phú Hải, huyện Phú Vang	Phú Hải	bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 10÷15, có nơi 20 m ảnh hưởng 300 hộ dân, công trình hạ tầng thiết yếu	300		
3	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Phú Diên, huyện Phú Vang	Phú Diên	bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 10÷15, có nơi 20 m ảnh hưởng 300 hộ dân, công trình hạ tầng thiết yếu	300		



4	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang	Vinh Thanh	bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 10÷15, có nơi 20 m ảnh hưởng 100 hộ dân, công trình hạ tầng thiết yếu	100		
5	Sạt lở bờ biển đoạn qua thị trấn Thuận An, huyện Phú Vang	Thuận An	bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 5÷7m, ảnh hưởng đến rừng phòng hộ ven biển			
6	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Vinh An, huyện Phú Vang	Vinh An	bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 5÷7m, ảnh hưởng 01 hộ dân	1		
7	Sạt lở bờ sông đoạn từ Khu định cư Quy Lai đến chùa Quy Lai và đoạn từ bến đĩnh Hòa An đến Đại Lộc, xã Phú Thành	Phú Thành	Mưa lũ đã sạt lở đất (chiều dài 3km), ảnh hưởng đến 100 hộ dân và ruộng sản xuất.	100		
8	Sạt lở bờ sông đoạn thôn Phú Khê và thôn Phò An	Phú Dương	Mưa lũ đã sạt lở đất (đoạn thôn Phú Khê chiều dài 0,1km, ảnh hưởng đến 07 hộ dân sống tại đây và đoạn thôn Phò An chiều dài 0,2 km, ảnh hưởng đến giao thông đi lại của người dân thôn Phò An và thôn Mỹ An)	7		
VII		Huyện Phú Lộc		514		
1	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Vinh Mỹ, huyện Phú Lộc	Vinh Mỹ	Bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 10÷15 m ảnh hưởng 100 hộ dân, công trình hạ tầng thiết yếu	100		
2	Sạt lở bờ biển đoạn qua xã Giang Hải, huyện Phú Lộc	Giang Hải	Bờ biển xâm thực sâu vào đất liền từ 10÷30, ảnh hưởng 400 hộ dân, mất đường tỉnh lộ 21, công trình hạ tầng thiết yếu, nguy cơ mở cửa biển	400		
3	Sạt lở chân đèo thôn Phú Gia, xã Lộc Tiến	Xã Lộc Tiến	Nguy cơ sạt lở chân đèo thôn Phú Gia, xã Lộc Tiến ảnh hưởng đến các hộ dân	14		
4	Sạt lở thôn Trung Phước Tượng	Xã Lộc Trì	Dự án, ở sát chân núi nguy cơ sạt lở cao, chưa có đất bố trí.	4		
VIII		Thị xã Hương Thủy		339		



1	Sắt lở bờ sông	Xã Thủy Thanh	Ở dọc các con sông 170 hộ, 510 khẩu, diện tích khoảng 8,5 ha	170		
2	Sắt lở bờ sông	Phường Thủy Lương	Ở dọc lưng nước chảy xiết 18 hộ, 65 khẩu, diện tích khoảng 0,9 ha	18		
3	Sắt lở đồi, núi	Xã Thủy Bằng	Ở dưới chân núi, 17 hộ, 51 khẩu, diện tích khoảng 0,85 ha	17		
4	Sắt lở đồi, núi	Phường Thủy Dương	Ở dưới chân núi 29 hộ, 116 khẩu, diện tích khoảng 1 ha	29		
5	Sắt lở đồi, núi	Xã Dương Hòa	Ở dưới chân núi 29 hộ, 15 khẩu, diện tích khoảng 0,5 ha	5		
6	Sắt lở đồi, núi	Phường Phú Bài	Ở dưới chân núi 48 hộ, 114 khẩu, diện tích khoảng 2,4 ha	48		
7	Sắt lở đồi, núi	Phường Thủy Phương	Ở dưới chân núi 11 hộ, 45 khẩu, diện tích khoảng 0,75 ha	11		
8	Sắt lở đồi, núi	Phường Thủy Châu	Ở dưới chân núi 37 hộ, 115 khẩu, diện tích khoảng 1,85 ha	37		
9	Sắt lở đồi, núi	Xã Thủy Phú	Ở dưới chân núi 4 hộ, 16 khẩu, diện tích khoảng 0,5 ha	4		
IX	Thành Phố Huế			75		
1	Sắt lở bờ Sông Bạch Yến thuộc địa bàn	Kim Long	Chiều dài khoảng 1370m, bị sắt lở ảnh hưởng đến đường giao thông và 30 các hộ dân sinh sống dọc hai bên bờ sông. Do khó khăn về kinh phí nên UBND phường đang đầu tư xây kè hai bên bờ sông dài khoảng 230m, các đoạn còn lại tiếp tục sắt lở;	30		



2	Sạt lở bờ Sông Vạn Xuân	Kim Long	Đoạn từ cầu Kim Long đến cầu Vạn Xuân dài khoảng 580m được Nhà nước đầu tư xây dựng kè khoảng 150m, còn lại khoảng 430m chưa được đầu tư xây kè nên đến mùa lũ thường sạt lở ảnh hưởng đến tài sản và tính mạng của 45 hộ dân sống dọc bờ sông	45		
---	-------------------------	----------	--	----	--	--

